

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT HÀ NỘI**



## **TIỂU LUẬN**

# **Những nguyên lý cơ bản Của chủ nghĩa Mác - Lenin**

***Đề tài***

## **TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO**

**Giáo viên: Kiều Văn Nam**

**Lớp: GD1408**

**Nhóm 9**

**Ngô Sinh Tùng – HA140468**

**Cao Tiến Cường – HA140484**

**Nguyễn Thị Ngọc Huyền – HA140378**

**Lê Tiến Đức – HA140475**

**Trần Việt Hưng – HA140494**

**Hà Nội, tháng 3 năm 2022**



# Mục lục

## I: Phần mở đầu

1. Lý do chọn đề tài
  2. Tình hình nghiên cứu đề tài
  3. Phương pháp nghiên cứu
  4. Phạm vi nghiên cứu
  5. Tính mới của đề tài
  6. Đóng góp của đề tài
  7. Kết cấu (Gồm mấy chương)
- 1.4. Các cuộc cách mạng xã hội trong lịch sử

## II : Phần nội dung

### **Chương 1: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO**

- 1.1. Sự ra đời của Phật giáo
- 1.2. Con đường du nhập và phát triển của đạo Phật giáo

### **Chương 2: TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA PHẬT GIÁO**

- 2.1. Quan điểm của Phật giáo về thế giới quan
- 2.2 Quan điểm của Phật giáo về nhân sinh quan

### **Chương 3: NHỮNG ẢNH HƯỞNG CỦA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO ĐẾN ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI VIỆT NAM**

- 3.1. Ảnh hưởng Phật Giáo đến các tín ngưỡng truyền thống
- 3.2. Ảnh hưởng Phật Giáo đến tư tưởng, đạo lý
- 3.3. Ảnh hưởng Phật Giáo tới phong tục tập quán
- 3.4. Ảnh hưởng của Phật giáo và lối sống của thanh niên hiện nay

3.5. Phật giáo trong thời đại công nghệ

3.6. Phật giáo trong xã hội việt nam hiện nay

### **III : Kết Luận**

# PHẦN MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Sau hàng ngàn năm phát triển của nhân loại, chúng ta của hiện tại đang được chứng kiến và kế thừa thành quả của nhiều tư tưởng tôn giáo khác nhau. Là một trong những học thuyết Triết học- tôn giáo lớn nhất trên thế giới, Phật giáo có lịch sử lâu đời, cùng với đó là hệ thống giáo lý đồ sộ, số lượng phật tử ở mọi lục địa trên thế giới. Kể từ thế kỉ II sau công nguyên đến nay, trải qua nhiều thăng trầm lịch sử của dân tộc Việt Nam, Đạo Phật đã có những ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của người Việt. Mặc dù trải qua những năm tháng dài của lịch sử, có Nho giáo, đạo Lão, đạo Thiên chúa. Thế nhưng, Phật giáo vẫn có một vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt. Góp phần hình thành nên lối sống, văn hoá, ý thức của dân tộc Việt ngày nay. Mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau. chúng ta chịu ảnh hưởng bởi một tư tưởng tôn giáo khác nhau. ở Việt Nam những tư tưởng triết học Phật giáo, đặc biệt nhân sinh quan Phật giáo, là một trong những nhân tố cấu thành nền văn hóa dân tộc cũng như nhân cách, đạo đức của mỗi người dân. Từ khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo luôn tỏ rõ vai trò quan trọng, có ảnh hưởng sâu rộng và toàn diện trong đời sống xã hội Việt Nam.

Những ảnh hưởng của nhân sinh quan Phật giáo luôn biến đổi trải qua những bước thăng trầm trong lịch sử. Đặc biệt, từ khi công cuộc đổi mới chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa diễn ra trên đất nước ta, thì sự biến đổi của ảnh hưởng nhân sinh quan Phật giáo trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam càng diễn ra khá rõ nét và có những biểu hiện mới.

Trong thời kỳ đổi mới đất nước hiện nay, xu hướng biến đổi ảnh hưởng của nhân sinh quan Phật giáo Việt Nam sẽ như thế nào? Cần đánh giá những biến đổi đó theo chiều hướng tích cực hay tiêu cực? Những nhân tố nào cần phát huy trong điều kiện mới và bằng cách nào để có thể phát huy những ảnh hưởng tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của nhân sinh quan Phật giáo trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam là vấn đề đang đặt ra và cần làm sáng tỏ.

## 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Tư tưởng triết học Phật giáo không phải là đề tài mới lạ, nhưng luôn là đề tài hấp dẫn đối với những người yêu triết nói chung và những người muốn tìm hiểu sâu hơn đối với tư tưởng của đạo Phật nói riêng. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về Phật giáo và đạt được những kết quả đáng trân trọng. Chúng ta có thể kể ra một số công trình như: Mấy vấn đề Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam của Viện Triết học, Hà Nội, 1986; Lịch sử Phật giáo Việt Nam của PGS Nguyễn Tài Thư (chủ biên), Viện Triết học, Hà Nội, 1991; Lịch sử tư tưởng Việt Nam, tập I của Nguyễn Tài Thư (chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, 1993 ; Thiên học Trần Thái Tông của Nguyễn Đăng Thục, Nxb Văn hóa Thông tin, 1996.

Ảnh hưởng của tư tưởng triết học Phật giáo trong đời sống văn hóa tinh thần ở Việt Nam của Lê Hữu Tuấn, Luận án tiến sĩ triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 1998; Tư tưởng Phật giáo Việt Nam của Nguyễn Duy Hình, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999 ; Phật Giáo với văn hóa Việt Nam của Nguyễn Đăng Duy, Nxb Hà Nội, 1999; Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam, tập I của Nguyễn Hùng Hậu, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.

Mặc dù các công trình nghiên cứu kể trên có những lập luận khác có phần khác nhau. Nhưng nhìn chung về phần nội dung chúng đều nói tới sự hành hưởng của Phật giáo lên đời sống xã hội Việt Nam. Những triết lí của Phật giáo đầy tính nhân sinh kết hợp với văn hóa truyền thống của người Việt .

Cùng với công cuộc xây dựng đất nước lên Chủ Nghĩa Xã Hội, Việt Nam ta ngày nay lấy tư tưởng Mác Lê Nin làm chỉ đạo, dựa vào đó làm cơ sở lý luận. Bên cạnh đó, chúng ta vẫn không thể phủ nhận sự tồn tại của hệ tư tưởng khác. Các tư tưởng nhà Phật đã in sâu vào tư tưởng, có ảnh hưởng sâu sắc đối với bộ phận lớn nhân dân Việt Nam ta. Vì không thể xóa bỏ hệ tư tưởng cũ. Chúng ta cần vận dụng tư tưởng đạo Phật một cách hợp lý. Việc nghiên cứu tư tưởng triết học là vô cùng cần thiết. Đi sâu vào Đạo Phật giúp ta hiểu rõ tâm lý nhân dân, đến gần với dân hơn. Từ đó có thể đưa ra các giải pháp, phương thức để định hướng nhân dân đi theo con đường nhân chính, đúng đắn.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Sử dụng góc nhìn dưới quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về tôn giáo, cùng với đó là quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo.

Trong bài luận này, nhóm 9 sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp . Nghiên cứu tư tưởng triết học Phật giáo theo từng mặt, từng bộ phận thông tin đã được phân tích tạo ra một hệ thống lý thuyết mới đầy đủ và sâu sắc về triết học Phật giáo. Ngoài ra còn có phương pháp lịch sử, nhóm 9 đã đi tìm nguồn gốc phát sinh của Đạo phật, quá trình phát triển của Phật giáo từ đó có thể rút ra bản chất và quy luật của tư tưởng triết lý Phật Giáo.

Ngoài ra còn có các phương pháp khác như phương pháp khái quát hoá, phương pháp trừu tượng hoá, phương pháp so sánh,...

#### **4. Phạm vi nghiên cứu**

Bài luận tập trung nghiên cứu nguồn gốc ra đời và quá trình hình thành và phát triển của Phật giáo. Từ đó sẽ hiểu sâu hơn vào tư tưởng triết học Phật giáo. Quá trình nghiên cứu không chỉ dừng lại ở Phật giáo Việt Nam, mà còn mở rộng ra, tìm hiểu Phật giáo từ các nơi khác trên thế giới để có cái nhìn khái quát, đánh giá được tổng quan các dữ liệu được thu thập.

Cùng với đó, sự nghiên cứu sẽ đi đến các kiến thức về các đạo giáo khác để có một sự so sánh về mức độ ảnh hưởng của Phật giáo so với các giáo phái khác đã và đang tồn tại trong xã hội.

#### **5. Tính mới của đề tài**

Nhân loại nói chung và dân tộc Việt nói riêng đã ý thức được sự tồn tại của tư tưởng Phật giáo và sức ảnh hưởng của Phật giáo đến đời sống của chính bản thân từ lâu. Việc nghiên cứu về tư tưởng triết học Phật giáo không còn quá xa lạ. Nhưng kiến thức thì vô hạn, chỉ có sự hiểu biết của loài người là hữu hạn . Vì thế việc nghiên cứu về tư tưởng triết học Phật giáo có thể khám phá ra những kiến thức mới, những hiểu biết mới đối với đạo Phật.

#### **6. Đóng góp của đề tài**

Theo dòng chảy của lịch sử, mỗi giai đoạn gắn liền với một tư tưởng tôn giáo chủ đạo. Vào thời Lý- Trần thế kỷ 10 - 14, Phật giáo là quốc giáo. Kể từ thời Lê đến thời Nguyễn, đất nước ta bị ảnh hưởng sâu sắc bởi Nho giáo. Từ thế kỷ 20 cho đến nay, học Thuyết Mac- Lenin đã làm cơ sở lý luận cho các nước CNXH.

Thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt chịu ảnh hưởng nhiều từ Phật giáo. Việc hiểu về tư tưởng của Phật giáo cũng là một trong những cách chúng ta hiểu được tư tưởng tình cảm, đạo đức của người Việt. Việc hiểu biết về tư tưởng triết học của Phật giáo cũng là hiểu được lịch sử của người Việt. Từ đó có thể định hướng cho sự phát triển tri thức, tư tưởng, nhân cách cũng như tư duy của dân tộc Việt trong tương lai.

## **7. Kết cấu (Gồm mấy chương)**

Trong nội bài luận của nhóm 9 về tư tưởng triết học của Phật giáo. Nhóm đã chia làm 3 phần lớn. Phần I là khái quát về Phật giáo, trong nội dung của phần luận này, nhóm đưa ra các nghiên cứu về nguồn gốc ra đời của Phật giáo. Cùng với đó là nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển của Phật giáo, nghiên cứu cách truyền đi của đạo Phật từ khi hình thành đến khi trở thành đạo giáo lớn như hiện nay.

Ở chương 2: Nhóm sẽ đi sâu vào nghiên cứu tư tưởng của Phật giáo. Phân tích các tư tưởng Phật giáo đã và đang tồn tại. Sau đó sẽ nghiên cứu về sức ảnh hưởng của đạo Phật đối với đời sống nhân dân ở chương thứ ba.



# PHẦN NỘI DUNG

## Chương 1: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO

### 1.1. Sự ra đời của Phật giáo

Điều kiện thiên nhiên ở Ấn Độ: Ấn Độ là đất nước có điều kiện tự nhiên đa dạng. Đất nước này vừa có dãy núi Himalaya hùng vĩ ở phía Bắc, vừa có biển Ấn Độ Dương rộng mênh mông; vừa có sông Ấn chảy về phía Tây, lại có sông Hằng chảy về phía Đông. Vì thế Ấn Độ có những vùng đồng bằng trù phú màu mỡ, có vùng nóng ẩm mưa nhiều, có vùng lạnh giá quanh năm tuyết phủ, lại có những vùng sa mạc khô cằn, nóng bức. Những điều kiện tự nhiên đa dạng và khắc nghiệt ấy là cơ sở để hình thành sớm những tư tưởng tôn giáo triết học.

Về kinh tế – xã hội: Từ thế kỷ VI – I TCN, nền kinh tế – xã hội chiếm hữu nô lệ Ấn Độ đã phát triển, thổ dân trên bán đảo Nam Á là người Dravidian và Sumerian đã có nền văn minh khá cao. Đầu thế kỷ II TCN, một nhánh người Aryan thâm nhập vào bán đảo Ấn Độ, dần dần chuyển sang định cư và sống bằng nghề nông. Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế – xã hội của xã hội Ấn Độ cổ, trung đại là sự tồn tại rất sớm và kéo dài của kết cấu kinh tế – xã hội theo mô hình “công xã nông thôn”. Mô hình này có đặc trưng là ruộng đất thuộc quyền sở hữu nhà nước, gắn liền với nó là sự bần cùng hoá của người dân trong công xã, và quan hệ giữa gia đình thân tộc được coi là quan hệ cơ bản, cùng với xã hội được phân chia thành các đẳng cấp. Xã hội thời kỳ này được phân chia thành 4 đẳng cấp lớn là: tăng lữ, quý tộc, bình dân tự do và nô lệ cung đình. Sự phân chia đẳng cấp đó làm cho xã hội xuất hiện những mâu thuẫn gay gắt dẫn đến cuộc đấu tranh giai cấp giữa các đẳng cấp trong xã hội. Trong cuộc đấu tranh ấy, nhiều tôn giáo và trường phái triết học đã ra đời, trong đó có Phật giáo.

Như vậy, tất cả những đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội nói trên là cơ sở cho sự nảy sinh và phát triển những tư tưởng triết học của Ấn Độ thời cổ, trung đại với các hình thức phong phú đa dạng. Và

Phật giáo ra đời trong làn sóng phản đối sự ngự trị của đạo Bàlamôn và chế độ đẳng cấp, lý giải căn nguyên nỗi khổ và tìm đường giải thoát cho con người khỏi nỗi khổ triền miên, đè nặng trong xã hội nô lệ Ấn Độ. Vì chống lại sự ngự trị của đạo Bàlamôn đặc biệt là quan điểm của kinh Vệđa nên Phật giáo được xem là dòng triết học không chính thống

Đạo Phật đã hình thành ở Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ VI trước công nguyên, người sáng lập là thái tử Siddharta (Tất Đạt Đa) (Cồ -đăm), với tư cách là một trong những hệ tư tưởng tiên phong chống phân chia giai cấp, kỳ thị màu da và đồng cảm với nỗi khổ của nhân dân Ấn Độ nói riêng, với con người nói chung.

Thái tử Tất Đạt Đa (Sidharta) là con vua Tịnh Phạn (Suddhodana) nước Ca Tỳ La Vệ (Kapila vastu). Truyền kể vào năm 624 trước công nguyên, hoàng hậu MaDa (Maya) sinh hạ một hoàng tử tuần tú tại vườn ngự uyển Lâm Tỳ Ni (Lumbini) dưới gốc cây Ưu Bát La, thường gọi là cây Vô Ưu (ashoka) có hoa với sắc màu rực rỡ. Thái tử sinh vào ngày trăng tròn tháng Vesak, nhằm ngày rằm tháng tư âm lịch và được đặt tên là Tất Đạt Đa. Lớn lên, thái tử văn võ toàn tài, vợ là công chúa Da Du Đà La (Yasodara) con vua Thiện Giác, cuộc sống rất đầy đủ, sung sướng.

Nhưng những điều mắt thấy tai nghe về những nỗi đau khổ của con người đã ám ảnh tâm tư thái tử. Một ngày kia, thái tử ra đi, tượng truyền ngài đến dòng A Nô Ma cắt tóc làm đạo sĩ. Ngài rủ năm người đến vùng Uruvela tu khổ hạnh trong 6 năm. Nhưng sau 6 năm học đạo và khổ hạnh, thái tử thấy kẻ hưởng lạc sẽ bê tha thối nát, còn tu hành khổ hạnh chỉ chuốc thêm khổ thân, chỉ có con đường trung đạo mới mong thành chính quả. Bởi thế, Thái tử đã bỏ 5 anh em ông Kiều Trần Như, dùng bát sữa của mục nữ Tu Xá Đề (Sajata), xuống sông Ni Liên tắm rửa, rồi lên thiền quán dưới gốc cây pipal (cây Tất Bát La, xứ Ba La Nại) lớn và ngồi dưới gốc cây suy nghĩ. Tượng truyền là qua 49 ngày, ngài đã chứng tam minh tức là Túc mạng minh, Thiên nhân minh và Lưu tận minh, thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, năm 36 tuổi. Gốc cây chỗ ngài ngồi gọi là Bồ đề đạo trường (Bodhimanda) hay Kim cương tọa (Vajrasana).

Sau đó, ngài tìm 5 người bạn trước đây, giác ngộ cho họ, rồi cùng họ trong suốt 40 năm còn lại của cuộc đời đi truyền bá tư tưởng của mình. Có những câu chuyện đã thành huyền thoại về Phật như Phật đã dùng chân bên vệ đường xâu kim cho bà già mù lòa, săn sóc, dọn dẹp ô uế cho người bệnh, nhận cơm thừa của một tiện nữ dâng cúng... Từ những việc nhỏ nhất, tất cả đều thể hiện lòng từ bi bác ái của Ngài và đạo của Ngài.

Qua hơn 40 năm hoằng pháp và truyền đạt giáo lý Phật giáo khắp Ấn Độ. Ông qua đời ở tuổi 80 và để lại cho nhân loại những tư tưởng triết học Phật giáo vô cùng quý báu. Với mục đích nhằm giải phóng con người khỏi mọi khổ đau bằng chính cuộc sống đức độ của con người, Phật giáo nhanh chóng chiếm được tình cảm và niềm tin của đông đảo quần chúng lao động. Nó đã trở thành biểu tượng của lòng từ bi bác ái trong đạo đức truyền thống của các dân tộc Châu Á. Kinh điển của Phật giáo rất đồ sộ gồm ba bộ phận gọi là “tam tạng kinh” bao gồm Tạng kinh, Tạng luật và Tạng luận.

## **1.2. Con đường du nhập và phát triển của đạo Phật giáo**

Con đường Hồ Tiêu (Chemi des epices) tức là đường biển, xuất phát từ các hải cảng vùng Nam Ấn rồi qua ngã Srilanka, Indonesia, Việt Nam...lợi dụng được luồng gió thổi định kỳ vào hai lần một năm phù hợp với hai mùa mưa nắng ở khu vực Đông Nam Á, những thương nhân Ấn đã tới các vùng này để buôn bán bằng những con thuyền buồm. Trong các chuyến đi viễn dương này, các thương nhân thường cung thỉnh một hay hai vị tăng để cầu nguyện cho thủy thủ đoàn và các vị tăng này nhờ đó mà đến truyền bá Đạo Phật vào các dân tộc ở Đông Nam Á.

Ấn Độ là một bán đảo, cũng như bán đảo Đông Dương nhưng là một bán đảo khổng lồ, cả một tiểu lục địa. Từ xa xưa trước công nguyên, thương nhân Ấn Độ đã giao thương với các nước Ả rập, các nước ven biển Địa Trung Hải và nhất là với đế quốc La Mã, tiêu thụ rất nhiều vàng ngọc, châu báu, hương liệu, lụa là, trầm quế... Để có đủ hàng cung cấp cho thị trường phương Tây, thương nhân Ấn Độ đóng thuyền theo gió mùa Tây Nam đi về phía Đông Nam Á, đến Mã Lai, quần đảo Nam Dương, vượt eo biển Malacca vào biển Đông, đến Việt Nam, rồi đến Trung Hoa, Nhật Bản. Khi đi thì lựa theo gió mùa Tây Nam, khi về thì phải chờ tới sang năm, theo mùa gió Đông Bắc. Ròng rã một năm ở lại, đủ thời giờ cho họ buôn bán, và ảnh hưởng dần dà, sâu đậm đến các dân tộc địa phương trên mặt sản xuất, văn hóa, sinh hoạt tôn giáo.

Con đường Đồng Cỏ (Chemin des Steppes) tức là đường bộ còn gọi là con đường tơ lụa con đường này nối liền Đông Tây, phát xuất từ vùng Đông Bắc Ấn Độ, Assam hoặc phía Trung Á, một nhánh của đường tơ lụa đi từ Châu Âu qua các vùng thảo nguyên và vùng sa mạc ở Trung Á tới Lạc Dương bằng phương tiện lạc đà.

Các con đường bộ không thiếu nhưng vất vả và khó nhọc hơn. Trước hết là có những con đường vừa thủy vừa bộ khá tiện lợi. Thay vì đi vòng xuống eo biển Malacca, xa về phía Nam, thương nhân Ấn Độ có thể chuyển hàng hóa qua eo biển Kra và bán đảo Mã Lai, theo những tuyến đường bộ tiện lợi, có thể vượt vài giờ, nối liền biển nọ đến biển kia.

Từ Nam Ấn, thương nhân Ấn Độ có thể dùng thuyền không lớn vượt thủy đạo hẹp giữa Andaman và Nicobar, hoặc là quá xuống phía Nam, thủy đạo giữa Nicobar và Achin. Tuyến đường thứ hai dẫn tới điểm Kadah. Tại hai điểm này, các nhà khảo cổ học đã khai quật được nhiều đồ vật cổ thuộc nền văn minh Ấn Độ thời xưa

Sau Phật Niết bàn, các đệ tử Phật kiết tập 4 lần. Qua cuộc kiết tập lần thứ hai, do quan điểm bất đồng, Phật giáo chia thành hai phái: Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ. Thượng tọa bộ chủ trương bảo thủ y nguyên Phật giáo ban đầu, đọc kinh bằng tiếng Pali. Đại chúng bộ có tư tưởng cấp tiến, phóng khoáng đọc kinh bằng tiếng Sanskrit.

Dị biệt tiếp tục phát triển, về sau giáo đoàn Phật giáo cho làm hai hệ là Nam truyền và Bắc truyền. Thượng tọa bộ chi phối Nam ấn và Phật giáo Nam truyền liên tục hưng thịnh. Đại chúng bộ chi phối Bắc ấn, nhưng mãi đến thời Bồ Tát Mã Minh (Asvaghosha) 5 thế kỷ sau Phật niết bàn, mới mở màn hưng thịnh và sáng rõ nhất là thời kỳ Bồ Tát Long Thọ (Nagarjuna) đầu thế kỷ II sau công nguyên.

Phật giáo Nam truyền lan đến các nước phía Nam ấn: Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Lào, Campuchia và đa số trở thành quốc giáo. Phật giáo Bắc truyền lan đến các vùng phía Bắc ấn (Tây Tạng, Trung Quốc, Nhật Bản, ... ) mà mỗi nước lại có màu sắc riêng. Trung Hoa đã làm cho Phật giáo Bắc truyền thêm rực sáng. Sau này còn gọi Phật giáo Nam truyền là Phật giáo Tiểu Thừa, còn Phật giáo Bắc truyền là Phật giáo Đại Thừa.

## **Chương 2: TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA PHẬT GIÁO**

### **2.1. Quan điểm của Phật giáo về thế giới quan**

Tư tưởng triết học Phật Giáo được viết thành văn bản trong một khối kinh điển rất lớn, gọi là “Tam Tạng”. Quan điểm về thế giới quan của Phật giáo tập trung chủ yếu vào 3 phạm trù: vô ngã, vô thường và duyên.

- **Vô ngã**

Là pháp ấn chỉ có trong Phật giáo, cho rằng, không có một ngã, một cái gì trường tồn, bất biến, cốt tủy, vững chắc, tồn tại mà không phụ thuộc

vào cái khác. Nghĩa là sự vật có mặt là do duyên sinh khởi phát, chứ sự vật không có quyền gì với sự sinh ra và sự hoại diệt của chính nó. Như thế, theo đạo Phật, cái ngã, cái "tôi" là không có mà chỉ là một tập hợp của Ngũ uẩn, luôn luôn thay đổi, sinh diệt.

Trong các thuyết về cấu tạo con người của Phật giáo, thì thuyết Ngũ uẩn là phổ biến hơn cả. Như vậy, Phật giáo cho rằng, con người không có thực thể là "không", gọi là "nhân vô ngã" (nhân không). Con người được tạo thành từ Ngũ uẩn cho nên không có chủ thể hằng thường tự tại. Con người là sản vật, tự nhiên không có hình thái cố định của tính vật chất nhưng vì đã ăn vật chất trên thế giới nên dần hình thành khối vật chất thô kệch có sự phân biệt tính cách, màu da. Có bốn loại thực:

- Đoạn thực : Thức ăn là động, thực vật, thức ăn vật chất, là cơm ăn nước uống hàng ngày.
- Xúc thực : Thức ăn là những cảm xúc, cảm giác.
- Tư thực : Thức ăn là sự suy tư, nghĩ ngợi.
- Thức thực : Thức ăn là tinh thần, là thức ăn ở cõi vô sắc, sống bằng tinh thần thanh cao.

### • Vô thường

Phật giáo quan niệm sự vật đều luôn vận động biến đổi, không có cái gì là thường hằng, bất biến. Các sự vật, hiện tượng trong vũ trụ không đứng yên mà luôn luôn biến đổi không ngừng. Xuất phát từ duyên khởi luận, Phật giáo cho rằng thế gian hết thảy đều biến hóa, vô ngã, vô thường. Vì vậy mọi sự vật không mãi ở yên trong một trạng thái nhất định, luôn luôn thay đổi hình dạng, đi từ trạng thái hình thành đến biến dị rồi tan rã. Sinh và diệt là hai quá trình xảy ra đồng thời trong một sự vật, hiện tượng cũng như trong toàn thể vũ trụ rộng lớn. Đức Phật cũng dạy rằng không phải là sự vật, hiện tượng sinh ra mới gọi là sinh, mất (hay chết đi) mới gọi là diệt, mà trong sự sống có sự chết, chết không phải là hết, không phải là hết khổ mà chết là điều kiện của một sinh thành mới.

Theo Phật giáo, có hai loại vô thường. Đó là sát na vô thường và tương tục vô thường. Trong đó, sát na vô thường chỉ sự biến hóa trong khoảng thời gian cực ngắn. Còn 13 tương tục vô thường chỉ trong một chu kỳ nối tiếp nhau đều có sinh - trụ - dị - diệt (đối với sinh vật), hay thành - trụ - hoại - không (đối với sự vật), đối với con người là sinh - lão - bệnh - tử.

### • Duyên

Mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ từ cái nhỏ nhất đến cái lớn nhất đều chịu sự chi phối của luật nhân duyên. Trong đó duyên là điều kiện giúp cho nguyên nhân trở thành kết quả. Kết quả ấy lại nhờ có duyên mà trở thành nhân khác, nhân khác lại nhờ có duyên mà trở thành kết quả mới.

Cứ như vậy mà tạo nên sự biến đổi không ngừng của các sự vật, tuân theo quy luật “Nhân-Quả”, nhân là cái hạt, quả là cái trái, cái trái do mầm ấy phát sinh. Nhân và quả là hai trạng thái nối tiếp nhau, nương vào nhau mà có. Nếu không có nhân thì không thể có quả, nếu không có quả thì không thể có nhân, nhân thế nào thì quả thế ấy.

Phật giáo quan niệm mối quan hệ nhân quả là mối quan hệ phổ biến và chi phối tất cả. Phật giáo nguyên thủy cho thế giới này không có nguyên nhân đầu tiên cũng như cuối cùng, thế giới không do một đấng tối cao nào sáng tạo ra. Quan niệm về mối liên hệ nhân quả mà Phật giáo đề cập và nhấn mạnh thuộc lĩnh vực đạo đức, tinh thần, tâm lý cá nhân.

Xét đến cùng muôn vật trong vũ trụ là hệ thống nhân duyên của nhau, cứ thế sinh sinh diệt diệt mãi nối tiếp nhau vô cùng tận; thế giới là vô thủy vô chung, không có cái gì là trường tồn bất biến. Thân xác con người được đề cập trong các thuyết Danh sắc, thuyết Lục đại, thuyết Ngũ uẩn của Phật giáo. Theo luật nhân quả của Phật giáo, những việc làm của con người là nguyên nhân tạo ra sự ngũ uẩn tiếp theo. Bản thân nghiệp này do kiếp trước quy định; cứ thế con người ở trong vòng luân hồi sinh tử không ngừng từ đời này sang đời khác

## **2.2 Quan điểm của Phật giáo về nhân sinh quan**

Nội dung triết lý nhân sinh của Phật giáo được thể hiện tập trung trong thuyết “Tứ Diệu Đế” tức là 4 chân lý tuyệt diệu đòi hỏi mọi người phải nhận thức và có cái nhìn một cách sâu sắc được. Tứ diệu đế bao gồm: khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

### **· Khổ đế**

Chân lý về sự khổ, cho rằng mọi dạng tồn tại đều mang tính chất khổ não, không trọn vẹn, cuộc đời con người là một bể khổ. Phật xác nhận đặc tướng của cuộc đời là vô thường, vô ngã và vì vậy mà con người phải chịu khổ. Triết lý nhân sinh Phật giáo cho rằng, bản chất cuộc đời con người là khổ: "Đời là bể khổ, đời là cả những chuỗi bi kịch liên tiếp, bốn phương đều là bể khổ, nước mắt chúng sinh nhiều hơn nước biển, vị mặn của máu và nước mắt chúng sinh mặn hơn nước biển". Cái khổ về mặt hiện tượng là cảm giác khổ về thân, sự bức xúc của hoàn cảnh, sự không toại nguyện của tâm lý về bản chất. Về phương triết học, khổ đau là một thực tại như thực đối với con người. khổ đế là một chân lý khách quan hiện thực. khổ hay hình thái bất an là kết quả hàng loạt nhân duyên được tạo tác từ tâm thức .Nỗi khổ của thế gian là khôn cùng, song có thể chia

làm ba loại khổ hay tám thứ khổ. Ba loại khổ (Tam khổ) là: khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.

- Khổ khổ: Muốn nói tới cái khổ chồng chất nối tiếp cái khổ. Mỗi chúng sinh là nạn nhân của bao cái khổ. Cái khổ có ở ngay thể xác như bệnh tật hiểm nghèo... lại có cái khổ khác bên ngoài thể xác như thiên tai, chiến tranh... Tất cả những cái khổ đó liên tiếp dồn dập đến với con người.

- Hoại khổ: Do sự thay đổi tạo nên tuân theo luật vô thường - không có cái vĩnh hằng. Ca dao có câu "nước chảy đá mòn", để nói một sự vật vững chắc, cứng rắn như đá nhưng cùng với thời gian chịu tác động của ngoại cảnh cũng phải thay đổi rồi bị hủy diệt tan biến. Con người cũng vậy, không thể nằm ngoài quy luật chung đó.

- Hành khổ: Những nỗi khổ về tinh thần con người, do không làm chủ được mình bị lôi kéo vào những dục vọng làm cho tâm bị dẫn dắt sinh ra buồn vui, giận hờn, yêu ghét...

Tám thứ khổ (Bát khổ): Đức Phật tóm tắt thành tám thứ khổ trong cuộc đời của một con người gồm: sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tăng hội, sở cầu bất đắc, thủ ngũ uẩn khổ. Tám thứ khổ này là sự cụ thể hóa, tỉ mỉ hơn về các nỗi khổ của chúng sinh ở trần thế, song nội dung thì được bao hàm bởi ba khổ trên.

- Sinh khổ: Con người khổ trong sự sinh sống. Người ta khổ từ khi còn là bào thai trong bụng mẹ. Con phải nằm trong bụng mẹ chật hẹp, cũng là khổ. Mẹ phải mang nặng đẻ đau biết bao khó nhọc, đó là khổ. Sinh con ra rồi thì cha mẹ cũng phải khổ. Con người sống trên đời phải mưu kế sinh nhai, cũng là khổ.

Trong cuộc sống hàng ngày, con người muốn tồn tại được thì trước hết phải ăn, uống, mặc ở, sinh hoạt, đi lại... Muốn vậy, con người phải lao động hết sức vất vả, cực khổ, vất vả trong công việc. Đó là về mặt vật chất, còn những nỗi khổ về tinh thần dày vò con người cũng không kém nỗi khổ về vật chất, nó làm con người suy kiệt, ốm yếu,... (lão khổ). Con người đến lúc già, tuổi cao, thân thể hao mòn già yếu các giác quan, hoạt động kém; mắt mờ, chân chậm, tai điếc... dễ sinh bệnh gây đau ốm cho người bệnh và người thân xung quanh.

- Lão khổ: Đến một thời điểm nhất định con người phải chết, xa lìa trần thế để lại nỗi xót thương vô hạn cho người thân, bè bạn. Ai cũng vậy, sợ phải xa lìa người thân, bè bạn, bởi cuộc sống biết bao điều thú vị.

- Bệnh khổ: Khi đến tuổi già thì thân thể trở nên già nua, mắt mờ, tai điếc, chân chậm, tay run. Mọi bộ phận trên cơ thể đều già đi và trở nên cũ kĩ. Đó là khổ.

- Tử khổ: Khi sắp chết thì có cảm giác sợ hãi về mặt tinh thần, lo sợ sẽ phải chết đi. Chết đi rồi thì thân xác phân hủy, hôi tanh, gia quyến đau lòng. Đó là khổ.

- Ái biệt ly khổ: Nỗi khổ khi phải xa cách chia ly người mình mến thương như vợ chồng, cha mẹ, anh em... Nỗi khổ này bao gồm cả nỗi khổ sinh tử biệt ly: Sống phải xa nhau đã khổ, nhưng người ở lại người đi vào thế giới khác thì đó là nỗi khổ tình thương, tuyệt vọng.

- Oán tăng hội khổ: Nỗi khổ vì phải sống cùng với người mà mình không hề yêu thích, phải tiếp xúc với những người mà mình oán ghét; ở chung và tiếp xúc với những người như vậy giống như gai đâm vào mắt mà không làm gì được.

- Sở cầu bất đắc khổ: Là những nỗi khổ về những thứ con người mong muốn, ước ao, khao khát của bản thân mà không được, con người phải lao tâm khổ tứ biết bao, mong có được ngày thành đạt; nếu điều đó không thành thì nỗi khổ ấy thật khủng khiếp dày vò con người, khiến con người tuyệt vọng.

- Ngũ uẩn khổ: Gây ra bởi sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm cho thân tâm phải chịu hết thảy những nỗi khổ. Thích Ca nói với chúng sinh: già là khổ, bệnh khổ, chết khổ, cái gì của ta mà phải xa rời là khổ, cái gì không ưa thích mà phải hợp là khổ, cái gì muốn mà không được là khổ. Tóm lại là triền miên trong ngũ trọc giả hợp.

Học thuyết khổ đế đã chỉ ra những nỗi khổ lớn nhất trong cuộc đời con người. Với lòng từ bi thương người của mình, Đức Phật muốn chúng sinh biết hết mọi nỗi khổ có ở đời để khi gặp phải không làm cho tinh thần hoảng loạn, mà phải biết bình tĩnh suy xét tìm cách giải khổ, làm chủ được bản thân, vượt lên trên số phận.

## • Tập đế



Tập để nói lên sự tập hợp, tích chứa những nguyên nhân đưa tới cái khổ. Đức Phật cho rằng, mọi cái khổ đều có nguyên nhân của nó (Thập nhị nhân duyên). Phật Thích Ca thuyết pháp cho môn đệ phép màu nhiệm về nguyên nhân sự khổ. Đó là lòng tham sống mà luân hồi sinh tử: càng tham, càng muốn, càng được lại càng tham. Con người tham sống, tham sướng, tham mạnh v.v... Nguyên nhân của lòng tham là vô minh, nghĩa là không sáng suốt, không nhận thức được thế giới. Phật giáo nói đến đau khổ chủ yếu là chỉ tinh thần bức bách.

Trong 12 nguyên nhân đưa ra thì Đức Phật cho rằng, vô minh và ái dục là hai nguyên nhân chủ yếu đưa đến đau khổ cho con người. Sự kết hợp giữa ái dục và vô minh xuất phát từ nguồn gốc của ba thứ mà Phật gọi là tam độc: tham, sân, si.

- Tham: Biểu hiện sự tham lam của con người khiến con người hành động sai lầm để thỏa mãn lòng tham của mình. Lòng tham của con người không có giới hạn, đây là nguyên nhân gây bao nỗi thống khổ cho con người như chém giết, xâm hại lẫn nhau.

- Sân: Sự cáu gắt, bực tức, nóng giận khi con người không hài lòng về điều gì đó, làm cho con người không kiểm soát hết hành động của mình; như thế cũng đem lại những điều khổ đau, không hay và tội tệ đến cho con người.

- Si: Sự si mê, lú lẫn, làm cho con người không phân biệt điều hay dở; điều đó gây bao tội lỗi, đau khổ cho mọi người. Nếu tham sân nổi lên mà có trí sáng suốt sẽ ngăn chặn được tham, sân.

Đức Phật đã đưa ra nguyên nhân của 12 nỗi khổ (Thập nhị nhân duyên).

- Duyên hành: là hành động có ý thức; ở đây đã có sự dao động của tâm, có mầm mống của nghiệp.

- Duyên thức: Tâm thức từ chỗ cân bằng trong sáng đến dần dần mất cân bằng, tùy theo nghiệp mà tâm thức tìm đến các nhân duyên để hình thành cuộc đời khác.

- Duyên danh sắc: là sự tụ hợp của các yếu tố vật chất tinh thần ;với các loài hữu tình thì sự hội nhập của danh sắc sinh ra các cơ quan cảm giác, trầm sức, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

- Duyên lục nhập: Quá trình tiếp xúc với thế giới khách quan, lục căn tiếp xúc với lục trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

- Duyên xúc: Là sự tiếp xúc phối hợp giữa lục căn, lục trần và thức xúc, là quả của lục nhập, là nguyên nhân của thụ.
- Duyên thụ: Là cảm giác do tiếp xúc với thế giới bên ngoài mà sinh ra yêu,ghét,buồn, vui.
- Duyên ái: Là yêu nảy sinh dục vọng, mong muốn.
- Duyên thủ: Có ái thì có thủ, đã yêu thì muốn chiếm lấy, giữ lấy cho mình.
- Duyên hữu: Tiến tới xác định chủ thể chiếm hữu; từ đây chứng tỏ có nguyên nhân chứa đựng nguyên nhân.
- Duyên sinh: Đã có tạo nghiệp là nhân tất yếu sẽ sinh ra quả; là hiện hữu là tu sinh ra ở thế giới để làm người, hay súc sinh.
- Duyên lão tử: Đã có sinh tất yếu có già và có chết. Sinh - lão - bệnh - tử là kết thúc một chu kỳ, đồng thời là nguyên nhân của một chu kỳ tiếp theo, bắt đầu một vòng luân hồi mới.

## • Diệt đế

Là chân lý về diệt khổ. Phật giáo cho rằng mọi nỗi khổ đều có thể tiêu diệt được để đạt tới trạng thái “niết bàn”. Một khi gốc của mọi tham ái được tận diệt thì sự khổ cũng được tận diệt.

Vô minh bị diệt, trí tuệ được bừng sáng, hiểu rõ được bản chất tồn tại, thực tướng của vũ trụ là con người, không còn tham dục và kéo theo những hành động tạo nghiệp nữa, tức là thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Nói cách khác diệt trừ được vô minh, tham dục thì hoạt động ngũ uẩn dừng lại, tu đến niết bàn, tịch diệt khi ấy mới hết luân hồi sinh tử.

Mỗi chúng sinh phải tu dưỡng thân tâm, đoạn trừ "vô minh", để cho Phật tính bừng sáng, nó sẽ là ngọn đèn pha dẫn bước chúng sinh đến cõi Niết bàn. Muốn diệt trừ "vô minh" phải có trí tuệ vì: "Có trí tuệ thì hết đam mê, luôn luôn tự thức tỉnh và tự dò xét, không để lầm lỗi có thể có được, trí tuệ chân thật là chiếc thuyền chắc chắn nhất vượt bể sinh, lão, bệnh, tử. Là ngọn đèn sáng nhất đối với hắc ám vô minh... là búa sắt chặt cây phiền não". Diệt đế nói lên thế giới của sự giải thoát, thế giới không còn khổ đau.

## • Đạo đế

Sau khi chỉ ra các nỗi khổ ở cuộc đời con người cũng như nguyên nhân gây nên các nỗi khổ ấy. Đức Phật khẳng định, có thể tiêu diệt được khổ, tiêu diệt nỗi khổ nhân sinh bằng trải qua tu luyện để thoát khổ đạt đến cõi Niết bàn tuyệt đối tịch tịnh sung sướng, an lạc và tốt đẹp nhất. Đây là chân lý về con đường dẫn đến diệt khổ. Đây là con đường tu đạo để hoàn thiện đạo đức cá nhân. Có 8 con đường chân chính để đạt sự diệt khổ dẫn đến niết bàn gọi là “Bát chính đạo”. Bát chính đạo bao gồm:

- Chính kiến: Là sự hiểu biết đúng đắn, nhận thức rõ về tứ diệu đế, hiểu đúng sự vật khách quan. Người có chính kiến sẽ biết phân biệt đúng sai, chi phối mọi hành động, tâm trí luôn sáng suốt, đưa ra quyết định đúng đắn.

- Chính tư duy: Sự suy nghĩ phân xét đúng với lẽ phải. Người tu hành theo chính tư duy biết suy xét vô minh là nguyên nhân của khổ đau, tìm ra phương pháp tu luyện để thoát khổ cho mình và mọi người; đó là diệt trừ vô minh, tam độc.

- Chính ngữ: Lời nói ngay thẳng, là đưa chính tư duy vào thực hành trong lời nói cụ thể: không nói dối, không tạo ra sự bất hòa giữa mọi người, không nói lời ác dữ, không thừa lời vô ích. Người tu hành trước khi nói năng phải suy nghĩ người nghe, nói lời đoàn kết dịu hiền.

- Chính nghiệp: giữ nghiệp đúng đắn, tránh phạm giới luật, không làm việc xấu gây hại cho người, nên làm việc thiện giúp đỡ mọi người.

- Chính mệnh: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm. Giữ gìn dục vọng đúng đắn, tránh các nghề nghiệp liên quan đến sát sinh.

- Chính tinh tiến: Đức Phật dạy con người cố gắng làm điều thiện, tránh điều ác; không quên lý tưởng tu đạo, luôn cảnh giác tỉnh táo trong từng việc làm; phải chủ động tích cực trong việc tìm kiếm truyền bá chân lý nhà Phật.

- Chính niệm: Trong đầu con người luôn có ý niệm trong sạch ngay thẳng, ghi nhớ những đạo lý chân chính, điều hay lẽ phải ở đời, chăm lo thường xuyên niệm Phật. Tâm niệm luôn tin tưởng vững chắc vào sự giải thoát, luôn tỉnh giác trên ba phương diện Thân, Khẩu, Ý.

- Chính định: Sự tập trung tư tưởng vào một việc chính đáng, đúng chân lý, tĩnh lặng suy tư về tứ diệu đế của vô ngã vô thường về nỗi khổ của con người, là cơ sở cho chính kiến, chính tư duy ở trình độ cao.

Theo con đường bát chính đạo nói trên, con người có thể diệt trừ vô minh, đạt tới sự giải thoát, nhập vào niết bàn là trạng thái hoàn toàn yên tĩnh,

sáng suốt, chấm dứt sinh tử luân hồi. Với việc tu tập theo bát chính đạo mà Đức Phật đã chỉ ra, con người sẽ thu được lợi ích thiết thực cho cả mình và xã hội; họ sẽ tự ý thức, sửa mình từ bỏ mọi tội lỗi, tu thân tích đức như thế con người sẽ đạt tới sự hoàn thiện. Đây có thể coi là cơ sở, động lực để tạo ra sự yên bình, hạnh phúc không những trong xã hội hiện tại mà cả xã hội tương lai, bởi nhân nào quả ấy. Một lần nữa cho thấy, những giá trị nhân sinh sâu sắc của Phật giáo được khẳng định. Đức Phật đã rung động trước nỗi khổ của chúng sinh, nói như thế không phải Đức Phật tỏ ra bi quan trách đời mà phải thấy rằng Đức Phật đã dũng cảm chỉ ra thực tế, đoán định thế gian là chỉ có đau khổ. Từ đó mà đi tìm phương thuốc cứu giúp cho chúng sinh, tìm ra lối đi của sự tự do tuyệt đích, của hạnh phúc yên bình chính là con đường diệt khổ.

Ngoài ra Phật giáo còn đưa ra 5 điều nhằm răn đe đem lại lợi ích cho con người và xã hội. Chúng bao gồm: bất sát (không sát sinh), bất dâm (không dâm dục), bất vọng ngữ (không nói năng thô tục, bậy bạ), bất âm tửu (không rượu trà) và bất đạo (không trộm cướp).

Đức Phật lấy việc giải thoát đau khổ làm trọng tâm tư tưởng trong giáo lý của mình. Đức Phật thuyết giảng: "Đạo của ta đây chỉ có một vị là giải thoát như nước ngoài khơi chỉ có một vị mặn". Tinh thần triết lý nhân sinh mà Đức Phật dạy chúng sinh đòi hỏi trách nhiệm về đạo đức làm người, không được làm gương trước những nỗi khổ của người khác, phải toàn tâm toàn ý cứu khổ cho mọi người... Đó cũng là yêu cầu đối với chính mình, mình có thực hiện tốt thì mới hy vọng thoát khổ. Phật giáo không lấy giáo lý làm trọng, mà chỉ coi đó là phương tiện để đạt đến chân lý cuối cùng. Cái cốt tủy của nó là sự thực hành của mỗi cá nhân đạt đến sự giác ngộ, tu thành đạo quả, chứ không phải nghe, giảng để hiểu đạo.

## **Chương 3: NHỮNG ẢNH HƯỞNG CỦA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO ĐẾN ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI VIỆT NAM**

Từ khi triết học của Phật giáo du nhập vào Việt Nam đến nay, có thể nhận thấy Đạo Phật thấm nhuần vào tư tưởng, đạo đức, nếp sống của người Việt. Những tác động của tư tưởng Phật giáo đến đời sống người Việt là rất to lớn, thể hiện rõ ở các mặt sau:

### **3.1. Ảnh hưởng Phật Giáo đến các tín ngưỡng truyền thống**

Thời gian được truyền vào Việt Nam, Phật Giáo đã tiếp xúc ngay với các tín ngưỡng bản địa, và có sự kết hợp chặt chẽ với các tín ngưỡng này. Những đền miếu dân gian thờ các vị thần tự nhiên Mây, Mưa, Sấm, Chớp và thần Đá là biểu tượng của chùa Tứ Pháp. Chùa chiền ở Việt Nam được thiết kế dựa trên tiền Phật hậu Thần cùng với việc thờ trong chùa các vị thần, các vị thánh, các vị thành hoàng thổ địa và vị anh hùng dân tộc...

Khoảng chục năm trở lại đây, Phật tử Việt Nam chăm lo đến việc thực nghi lễ đạo. Họ hay lên chùa ngày lễ, trân trọng thành kính thi hành lễ, siêng việc thiền định, giữ giới, làm việc thiện. Việc ăn chay hàng tháng trở thành thói quen. Mặt khác nhà chùa sẵn sàng thực yêu cầu họ cầu siêu, giải oan. Qua đây củng cố niềm tin vào giáo lý, vừa quy định tu hành động họ, tạo cơ sở để hình thành nhân cách riêng biệt.

### **3.2. Ảnh hưởng Phật Giáo đến tư tưởng, đạo lý**

#### **3.2.1 Ảnh hưởng Phật giáo về tư tưởng**

Nghiệp báo truyền vào nước ta từ rất sớm và trở thành nếp sống mà người Việt Nam cũng biết đến. Chúng ta tạo nghiệp lành hay dữ, mắt chúng ta thấy cảnh ấy, tai chúng ta nghe thấy tiếng ấy, hạt giống lành dữ ấy rơi vào tàng thức chúng ta. Nghiệp báo vốn là nhân quả trong đường luân hồi. Tuy nhiên không phải hoạt động nào cũng có báo, những việc vô ký như đi, đứng, nằm, ngồi... không làm hại cũng không có lợi cho ai, không có nghiệp báo. Nó in đậm nét trong văn chương bình dân, văn học chữ Nôm, chữ Hán đem lại hòa bình an vui cho con người.

#### **3.2.2 Ảnh hưởng Phật giáo về đạo lý**

Phật giáo đã thấm nhuần tâm hồn người Việt trong đạo lý từ bi, hiếu hòa, hiếu sinh. Phật giáo ảnh hưởng thấm nhuần tâm hồn người Việt được thể

hiện qua người nhà tư tưởng, nhà thơ, nhà văn hóa lớn của nước ta là Nguyễn Trãi ( 1380–1442 ). Ông biến đạo lý từ bi thành đường lối trị "Bình Ngô Đại Cáo". Sau khi đánh thắng quân nhà Minh, quân ta không giết mà cấp thuyền bè, lương thực để họ rút nước. Ca dao Việt Nam cũng thể hiện rõ tinh thần thương người trong Phật giáo: "Lá lành đùm rách" hay "Nhiều điều phủ lấy giá gương. Người nước phải thương cùng". Những lời ca dao thể hiện lòng nhân vị tha dân tộc. Bên cạnh đó, nhân dân ta cũng chịu ảnh hưởng từ đạo lý từ ân Phật giáo. Trong Kinh Tâm Địa Quán, Phẩm Báo Ân, Đức Phật Thích ca đã dạy, phàm là con người phải ghi nhớ Tứ ân. Đó là: Ân cha mẹ, Ân chúng sanh, Ân quốc gia xã hội và Ân Tam bảo. Đạo lý hoàn toàn phù hợp với sự phát triển tâm lý, tình cảm người Việt. Đó chính là xuất phát từ thương cha mẹ, anh em họ hàng, đến tình thương mối quan hệ xã hội, đồng bào quê hương đất nước mở rộng đến nhân loại vũ trụ.

### **3.3. Ảnh hưởng Phật Giáo tới phong tục tập quán**

#### **3.3.1 Ảnh hưởng Phật giáo qua tập tục ăn chay, phóng sinh, bố thí**

Ăn chay xuất phát từ quan niệm từ bi Phật giáo. Lời Phật dạy: "Ăn chay là cốt yếu để nuôi dưỡng lòng từ bi và tinh thần bình đẳng. Phật tử không lý nào lại không thực hành đức từ bi trong đời sống của mình từ ý nghĩ, lời nói, cho đến cách ăn uống". Đạo Phật không muốn sát sinh hại vật mà trái lại phải thương yêu muôn loài. Cùng với thờ Phật, tục thờ cúng tổ tiên người Việt cũng có từ lâu đời. Phong tục đẹp đẽ này xuất phát từ lòng hiếu kính ông bà, cha mẹ, tổ tiên của con cháu. Bên cạnh đó, xuất phát từ tinh thần từ bi trong đạo Phật, tục lệ phóng sinh, bố thí cũng gắn kết với cuộc sống của người dân. Họ sẵn sàng làm phước, bố thí, giúp đỡ kẻ những người nghèo khó, gặp hoạn nạn.

#### **3.3.2 Ảnh hưởng Phật giáo qua tập tục cúng rằm, mừng một và lễ chùa**

Những ngày lễ trọng đại hàng năm như Lễ Phật Đản, Lễ Vu Lan, tắm Phật... trở thành những lễ hội truyền thống hàng năm của người Việt. Đây chính là thời điểm gắn kết đồng loại với nhau. Cái kết đẹp kết tụ sự hi sinh, vị tha, thể hiện lòng hiếu kính của con cháu với tổ tiên, ông bà, cha mẹ.

Tóm lại, Phật giáo giữ vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành duy trì phong tục, tập quán của người Việt.

### **3.4. Ảnh hưởng của Phật giáo và lối sống của thanh niên hiện nay**

Đời sống tôn giáo Việt Nam trước và sau 30 năm đổi mới thực sự có nhiều khác biệt. Trước đổi mới đời sống tôn giáo Việt Nam trầm lắng, tôn giáo vẫn là một bộ phận của đời sống thần của người dân Việt Nam, tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của tôn giáo đến đời sống xã hội không rõ rệt như sau đổi mới đặc biệt thời gian đây. Đời sống tôn giáo Việt Nam sau đổi mới được các nhà nghiên cứu tôn giáo gọi là hồi sinh sau một giấc ngủ dài. Ảnh hưởng của tôn giáo trong đời sống xã hội ngày càng rõ nét, nếu tôn giáo trước đổi mới thường chỉ người già mới quan tâm “trẻ vui nhà, già vui cửa” thì ngày nay tôn giáo thu hút sự quan tâm của nhóm thanh niên. Tỷ lệ thanh niên tham gia vào các hành vi tôn giáo ngày càng nhiều. Niềm tin và hành vi tôn của thanh niên còn ảnh hưởng đến nhiều góc độ khác nhau trong mối quan hệ gia đình hiện đại. Bài viết này phân tích hành vi tôn giáo của thanh niên và ảnh hưởng của tôn giáo đối với việc ứng xử của thanh niên trong mối quan hệ gia đình.

Hành vi tôn giáo của thanh niên có thể nhìn nhận trên hai phương diện: đi lễ và tham gia học giáo lý, giáo luật. Thứ nhất, việc đi lễ tại cơ sở thờ tự của các nhóm thanh niên phân theo tôn giáo và không tôn giáo là có tần suất khác nhau. Nhóm thanh niên là tín tôn giáo có lệ thường xuyên đi lễ tại các cơ sở tôn giáo cao. Đa số thanh niên là tín đồ tôn giáo đều thực hiện hành vi đi lễ tại cơ sở thờ tự. Đối với nhóm thanh niên không phải tín đồ tôn giáo, tỷ lệ không bao giờ đi lễ tại các cơ sở thờ tự tôn giáo chỉ 14,5%. Điều này cho thấy, cho dù chưa chính thức là tín đồ của bất kỳ một tôn giáo nào trong số các tôn giáo đã được nhà nước công nhận tư cách pháp nhân, tuy nhiên thanh niên vẫn thể hiện tâm thức hướng đến tôn giáo của mình bằng việc thực hiện hành vi đi lễ tại các cơ sở thờ tự tôn giáo. Trong hai nhóm thanh niên là tín đồ Phật giáo và thanh niên là tín đồ Công giáo có tỉ lệ đi lễ thường xuyên tại cơ sở thờ tự cao hơn so với thanh niên là tín đồ Phật giáo Không chỉ đi lễ tại cơ sở thờ tự của tôn giáo mình, thanh niên còn tham gia đi lễ tại các cơ sở thờ tự của các tôn giáo khác. Công giáo là tôn giáo độc thần. Người Công giáo hiếm khi đi lễ tại cơ sở thờ tự của các tôn giáo khác, tuy nhiên, thanh niên Công giáo hiện nay thể hiện niềm tin đa dạng tôn giáo của mình. Kết quả khảo sát chỉ ra có đến 29,0% thanh niên là tín đồ Công giáo thực hiện hành vi đi lễ tại cơ sở thờ tự của tôn giáo khác. Tính đa dạng trong niềm tin tôn giáo của thanh niên Công giáo nội thành rõ rệt hơn thanh niên Công giáo ngoại thành qua lệ thanh niên Công giáo nội thành có tỉ lệ đi lễ tại cơ sở thờ tự tôn giáo khác cao hơn so với thanh niên công giáo ngoại thành. Điều này có thể lý giải từ góc độ đời sống tinh thần, phải chăng cuộc sống nơi thành thị với nhiều áp lực hay tính cách độc lập của cuộc sống đô thị đã có tác

động đến tình thần khoan dung tôn giáo của thanh niên Công giáo. Yếu tố truyền thống trong tôn giáo được bảo lưu mạnh hơn tại khu vực ngoại thành. Điều này cho thấy, sức mạnh của các giá trị truyền thống, lối sống đạo truyền thống ít biến động là nhân tố quan trọng để thanh niên Công giáo ngoại thành có tỉ lệ đi lễ tại các cơ sở tôn giáo khác thấp hơn so với nội thành. Nhìn từ góc độ giới tính và độ tuổi cho thấy, tỉ lệ nam thanh niên Công giáo đi lễ tại các cơ sở tôn giáo khác cao hơn nữ; tỷ lệ thanh niên Công giáo nhóm tuổi 15-22 đi lễ cao hơn nhóm tuổi 23-29; và tỉ lệ thanh niên Công giáo trình độ học vấn từ trung học phổ thông (THPT) trở xuống cao hơn trình độ trên THPT. Chính sự khác biệt trong tỉ lệ thanh niên Công giáo đi lễ tại các cơ sở thờ tự của các tôn giáo khác đã phản ánh sự không đồng nhất trong niềm tin tôn giáo của các nhóm thanh niên Công giáo .

Khác với thanh niên Công giáo, đối với thanh niên Phật giáo trên địa bàn ngoại thành lại có tỉ lệ đi lễ tại cơ sở thờ tự tôn giáo khác cao hơn thanh niên nội thành. Nhìn từ góc độ giới tính, độ tuổi và trình độ học vấn, nhóm thanh niên Phật giáo là tương đồng với nhóm thanh niên Công giáo. Nhóm nam thanh niên có tỉ lệ đi lễ tại cơ sở thờ tự tôn giáo khác cao hơn nữ; thanh niên nhóm tuổi 15-22 có tỷ lệ đi lễ tại cơ sở thờ tự tôn giáo khác cao hơn nhóm tuổi 23-29; thanh niên có trình độ học vấn từ THPT trở xuống có tỉ lệ đi lễ tại cơ sở thờ tự khác cao hơn trên THPT

Thứ hai, hành vi tham gia học giáo lý, giáo luật của thanh niên. Hiện chỉ có cơ sở tôn giáo mới có hoạt động giảng dạy giáo lý, giáo luật; các cơ sở tín ngưỡng như đình, đền, miếu, phủ không tổ chức các hoạt động này. Kết quả khảo sát cho thấy 24,3% giới trẻ thường xuyên tham gia hoạt động học, 48,7% thỉnh thoảng mới tham dự và có tới 27,7% giới trẻ không bao giờ tham gia. Giới trẻ Phật giáo có tỉ lệ thường xuyên tham gia các khóa giảng giáo lý cao nhất, và thấp nhất là nhóm giới trẻ không tôn giáo; đa số giới trẻ không tôn giáo không tham gia khóa giảng giáo lý bao giờ. Như vậy đã có sự khác biệt về việc tham gia học giáo lý, giáo luật giữa giới trẻ trong các nhóm tôn giáo.

Theo kết quả khảo sát, 68,8% thanh niên có đọc sách về giáo lý tôn giáo và 86,0% thanh niên cảm thấy sách giáo lý tôn giáo bổ ích đối với bản thân. 88,1% giới trẻ khẳng định có áp dụng giáo lý tôn giáo vào cuộc sống. Con số này khẳng định mức độ ảnh hưởng của tôn giáo trong đời sống giới trẻ. Giáo lý tôn giáo được áp dụng vào nhiều lĩnh vực trong đời sống thanh niên. Việc áp dụng giáo lý tôn giáo vào ứng xử đối với người thân trong gia đình lên đến 76,6%. Giáo lý tôn giáo không chỉ tác động đến hành vi ứng xử của nhóm thanh niên là tín đồ tôn giáo mà có đến 51,3% thanh niên không phải là tín đồ tôn giáo cũng khẳng định việc áp dụng giáo lý tôn giáo vào quan hệ ứng xử với các thành viên trong gia đình. Sự



phù hợp của giáo lý tôn giáo đặc biệt là đạo đức tôn giáo trong mỗi quan hệ gia đình và gia tộc được nhóm thuộc giới trẻ không tôn giáo tiếp nhận như chuẩn mực đạo đức xã hội, họ tiếp thu và vận dụng nó trong hiện thực đời sống. Trên thực tế, giáo lý của các tôn giáo đều hướng đến việc rèn dạy các tín đồ phải biết quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình, lấy tình yêu thương làm nền tảng của mỗi quan hệ gia đình. Tình yêu thương theo quan điểm Phật giáo là một thứ tình yêu đích thực, vô điều kiện; con người trao đi tình cảm, sự quan tâm, trù sự chăm sóc của mình mà không đòi hỏi phải được nhận lại. Nhiều thanh niên Phật tử cho biết, khi đã theo Phật, hiểu được tinh thần giáo lý của Phật giáo, đặc biệt là triết lý từ bi, nhân quả, vô thường, vô ngã, bản thân họ trong quan hệ với người trong gia đình đã có nhiều thay đổi. Họ đã biết quan tâm, chia sẻ nhiều hơn với người thân trong gia đình.

Trong môi trường xã hội hiện đại, các gia đình phải đối mặt với nhiều thách thức như sự thay đổi môi trường sống; thay đổi phương thức làm ăn; thay đổi về quan niệm sống thay đổi về nhu cầu sống; thay đổi về trật tự gia đình; thay đổi về khả năng tương tác xã hội; thay đổi giá trị sống như sống ảo, sống gấp... chính sự rạn nứt và đổ vỡ các mối quan hệ đã khiến nhiều ngôi nhà chỉ còn thực hiện chức năng “quán trọ” cho các thành viên, sự tương tác giữa các cá nhân trong gia đình giảm sút khiến tình yêu thương, sự che chở cũng suy giảm đáng kể. Các tôn giáo để sớm nhận ra những mặt trái của công nghệ số đối với gia đình và trong các bài giảng của mình, chức sắc tôn giáo ít nhiều đã đề cập đến sự cần thiết Phải thiết lập lại quan hệ, sự gắn kết của các thành viên trong gia đình Việt Nam hiện nay. Thanh niên trong xã hội hiện đại có xu hướng đề cao giá trị vật chất. Nếu trước kia cuộc sống đơn sơ, con người với nhau không coi trọng vật chất mà coi trọng tấm lòng, coi trọng sự chân tình thì ngày nay, giá trị. Biết đủ là gặp hoàn cảnh nào cũng đều an phận tùy duyên, không tham cầu nhiều hơn nữa đề phải khổ sở về tinh thần. Tham là một trong tam độc của Phật giáo (cùng với sân và si). Thiều dục và tri túc là phương pháp để giảm trừ tham, vì khi đã ham muốn thì không bao giờ biết đủ để dừng lại. Vạn vật vô thường, cái mới luôn tồn tại, nếu con người cứ mãi mãi mê chạy đuổi theo cái mới sẽ không có điểm dừng. Muốn được sung sướng, Phật giáo cho rằng cần phải thực hiện thiều dục và tri túc. Khi tham sân si bị loại trừ, quan hệ giữa những người trong gia đình cũng được cải thiện nhiều. Tình cảm giữa những người trong gia đình hiện nay nhiều khi cũng bị đo bằng thước đo vật chất. Phân tử xã hội trong phạm vi gia đình đôi khi tạo nên tâm thức ganh ghét giữa bạn thân các thành viên trong gia đình. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới quan hệ giữa các thành viên.

Tôn giáo với các giá trị khoan dung, từ bi giúp các thành viên trong gia đình nâng cao được sự chia sẻ, cảm thông trong mọi hoàn cảnh. Thanh niên là tầng lớp đang ở giai đoạn đầu phải đối mặt với cuộc sống và vì vậy, tâm thức tham, sân, si, ngã mạn đang ở vào giai đoạn mạnh, đồng thời, khả năng tự chủ, kiểm soát của giới trẻ chưa cao, do vậy, tâm thức này dễ bộc phát ra ngoài thể hiện bằng những hành động cụ thể. Tôn giáo giúp thanh niên tăng trưởng tính khoan dung, đồng thời giúp thanh niên kiểm soát được bản thân mình. Chính khi từng bước loại trừ tham, sân, si, thanh niên từng bước làm chủ bản thân và tự tin hơn vào chính mình; nhờ vậy, trong quan hệ với mọi người nói chung và người trong gia đình nói riêng họ dễ dàng chia sẻ, cảm thông với những thành công và thất bại của các thành viên khác, và đón nhận những gì người trong gia đình dành cho mình. Giáo lý tôn giáo mà cụ thể là đạo đức tôn giáo luôn đề cao vấn đề tôn trọng người khác, đặc biệt là tôn trọng người lớn tuổi. Giáo lý tôn giáo nhất là giáo lý Phật giáo khi đặt ra vấn đề buông bỏ tham sân si sẽ không chấp nhận giá trị kinh tế định vị sự tôn trọng trong quan hệ gia đình. Điều này thể hiện rất rõ trong các nội dung giáo dục của Phật giáo. Phật giáo yêu cầu phật tử trong quan hệ gia đình cũng như xã hội phải biết lễ phép, tôn trọng người lớn tuổi, bậc bề trên. Đây cũng chính là nội dung cơ bản trong các bài giảng đối với gia đình phật tử đến giáo dục thanh thiếu niên phật tử ngày từ nhỏ. Lễ phép là một nguyên tắc quan trọng trong ứng xử. Lễ phép là sự tôn trọng người khác và qua đó cũng thể hiện sự tôn trọng bản thân mình.

Việc tham gia thực hiện các hành vi tôn giáo là sự biểu lộ tâm thức hướng đến tôn giáo, niềm tin tôn giáo của thanh niên. Niềm tin, hành vi và mức độ nhận thức giáo lý, thực hành giáo lý tôn giáo của thanh niên ảnh hưởng nhất định đến lối sống của thanh niên. Tôn trọng người khác là thái độ trân trọng, kính nhường; không có suy nghĩ và lời nói, hành vi coi thường, khinh rẻ, miệt thị. Tôn trọng một người là không bao giờ lời tiếng phê phán, chỉ trích người đó trước đám đông, đặc biệt là khi không có mặt người đó. Tôn trọng người khác là biết bảo vệ danh dự cho người khác khi cần thiết, không hùa theo đám đông nói những điều không tốt đẹp về một người mà điều đó khi nói lên không mang lợi cho ai cả, thậm chí gây khi còn có hại.

Như vậy, Tôn giáo giúp củng cố trật tự kính trên nhường dưới trong gia đình. Trật tự trong gia đình Việt Nam hiện nay cũng đang có nhiều thay đổi so với gia đình truyền thống. Ứng xử gia đình truyền thống dựa trên cơ sở tuân thủ hệ thống tôn ti trọng đạo, người già không chỉ được tôn trọng mà có quyền tối cao trong các quyết sách gia đình. Tuy nhiên, trong gia đình hiện đại, đa phần người nắm tài chính là người có vị thế, có tiếng nói và được coi trọng. Bởi thế, vị thế của người già trong gia đình đã có

phản suy giảm, vai trò của người đàn ông trong gia đình cũng chỉ quan trọng khi người đó là trụ cột, ngược lại, nếu người phụ nữ nắm vị trí chủ chốt về tài chính thì họ cũng chính là người có vị thế và tiếng nói quan trọng. Giáo lý của các tôn giáo luôn chứa đựng tình yêu thương vô bờ bến và việc lựa chọn một cách tự nguyện theo giáo lý tôn giáo sẽ nhận được sự chia sẻ với người trong gia đình về những khúc mắc của họ trong cuộc sống. Việc thanh niên tham gia các hành vi tôn giáo góp phần gắn kết các thành viên đó là sự bồi đắp tính nhân ái, sự tôn trọng trong mối quan hệ gia đình hiện nay.

### **3.5. Phật giáo trong thời đại công nghệ**

Trong thời kỳ bùng nổ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, truyền thông đã thực sự trở thành sức mạnh không thể phủ nhận trong đời sống xã hội, thậm chí trong một vài trường hợp, truyền thông còn là quyền lực thứ năm sau các quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp và báo chí ở một số quốc gia. Trong xu thế phát triển không ngừng của thời đại kỷ nguyên số, trước những thuận lợi, thách thức đối với quốc gia, dân tộc trong thời đại phát triển khoa học công nghệ, trên tinh thần nhập thế để Hoàng Pháp lợi sanh, Phật giáo cũng không thể đứng ngoài cuộc. Hiện nay, trước tình hình đất nước hội nhập sâu, kinh tế và đời sống của nhân dân không ngừng phát triển, một bộ phận kẻ xấu trong và ngoài nước luôn luôn tìm mọi cách chia rẽ tinh thần đoàn kết tôn giáo, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất an ninh trật tự, nhằm thực hiện ý đồ “Diễn biến hoà bình”. Những thế lực ấy đã tận dụng mọi cơ hội trên không gian ảo, nhắm vào xã hội thực bằng cách tạo ra các thông tin tiêu cực, trái chiều, từ không thành có, chuyện nhỏ xé to, mang tính xuyên tạc, cố ý bôi nhọ đời sống tu hành thanh tịnh, phạm hạnh thanh cao của chư Tăng Ni và Giáo hội, làm phương hại đến uy tín và niềm tin của Đạo Phật trong lòng nhân dân.

Nhận thức được điều đó, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII nhiệm kỳ 2017-2022 đã nêu bật trọng điểm: “Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một Kênh Hoàng Pháp và chuyển tải các hoạt động Phật sự vào đời sống xã hội nhằm nêu cao giá trị Từ bi – Trí tuệ của Đạo Phật, hình ảnh tốt đẹp của Tăng, Ni, Phật tử, của tổ chức Giáo hội các cấp trong sự nghiệp phụng đạo yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa”. Ngày nay, cùng với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, sự tồn tại của một thế giới phẳng, sự phổ cập rộng rãi của mạng xã hội toàn cầu và sự ra đời vĩ đại của Internet, sự ra đời và ứng dụng rộng rãi của các phần mềm ứng dụng xử lý công việc trong một kỷ nguyên sáng tạo mới, một kỷ nguyên kết nối mới, đặt nền móng cho một sự cộng tác toàn cầu với các tiện ích vô cùng thuận lợi

nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ và thách thức, đồng thời cũng là thời cơ, vận hội mới như hiện nay đã và đang thôi thúc tự thân mỗi vị Tăng Ni trong vai trò Sứ giả Như Lai và từng Tín đồ Phật tử thấy rõ “Trọng trách” của mình hiện nay là “Cần phải làm gì”? Hành động như thế nào? Bằng cách nào để có thể nắm bắt, hòa nhập vào “Làn sóng truyền thông Kỷ nguyên số” mà vẫn giữ vững bản sắc và bản lĩnh của một “Sứ giả Như Lai thời Công nghệ số” trước sự tấn công ồ ạt của cơn bão mạng! Vấn đề đặt ra cấp bách hiện nay là: “Làm sao để có thể Phát huy tích cực vai trò của chư Tăng Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong việc xây dựng khối Đại Đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh trong “Thời điểm vàng” của “Kỷ nguyên Công nghệ số”?

Có thể nói: làn sóng truyền thông hiện nay đang lặng lẽ như những cơn sóng ngầm, không chỉ tấn công vào đời sống xã hội, ảnh hưởng đến tầm nhìn và nhận thức của mọi người trong cộng đồng, nguy hiểm hơn khi nó đã âm ỉ, len lỏi vào tận những góc ngách sâu kín trong tâm hồn và ý thức hệ của mỗi người, nhất là giới trẻ, đáng lo nhất là độ tuổi của các cháu thanh thiếu niên, nhi đồng. *Khi mà ai ai cũng có thể làm truyền thông, người người, nhà nhà đều làm truyền thông chỉ với một chiếc điện thoại thông minh.* Nhất là một bộ phận “giới trẻ nhàn rỗi” thiếu lập trường và không có chánh kiến, thích tham gia “cơn sốt truyền thông” để giật tít câu like và thậm chí là bất chấp thủ đoạn để kiếm tiền và tư lợi cá nhân trên các trang mạng xã hội. Trên các kênh Youtube, trang Facebook... giờ đây đã xuất hiện thêm nhiều “nhà báo tự do” và “anh hùng bàn phím”. Trước các tin tức xã hội có nội dung tiêu cực về Phật giáo được dư luận phản ánh, nếu chúng ta cứ theo cách ứng xử như trước đây là “Nhẫn” và im lặng bằng góc nhìn “Dĩ hòa vi quý” rồi thôi, kệ cho qua với suy nghĩ “Thanh giả tự thanh” thì không khác nào tạo cơ hội cho kẻ xấu trong việc cố ý lợi dụng xuyên tạc Phật giáo theo kiểu “Té nước theo mưa”, dẫn đến tốc độ lan truyền tin xấu trên mạng xã hội nhanh như chớp, làm đảo điên thật giả, đúng sai đến chóng mặt và không thể kiểm soát được nữa. Cho đến khi vụ việc được làm sáng tỏ thì những thị phi, đàm tiếu, thông tin tiêu cực, phản cảm đã tràn lan, khó xóa bỏ được các “hình ảnh giả danh” và nguy tạo, lắp ghép nhằm bôi nhọ và phỉ báng người tu, như vậy có phải là chính ta đã vô tình tiếp tay cho “truyền thông bão mạng”, một “vấn nạn và nguy cơ tiềm ẩn” đang diễn ra nhức nhối hiện nay trên các luồng sóng trái chiều của dư luận hay sao?

Đứng trước sự tương tác mãnh liệt trong thế giới phẳng với các phương tiện truyền thông kỹ thuật số, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống tinh thần, vật chất và mọi mặt sinh hoạt của con người trong xã hội hiện nay, Phật giáo cũng bị chính các phương thức thông tin tuyên truyền này tác động không nhỏ vào đời sống tu hành, học tập, sinh hoạt và hoằng pháp của

chư Tăng Ni. Việc chư Tăng Ni được tiếp cận, nắm bắt và sử dụng phương tiện truyền thông trong thời đại công nghệ 4.0 đã và đang là cơ hội mới để hoằng truyền chánh pháp, đồng thời cũng tiềm ẩn những nguy cơ và thách thức gay go tác động đến đời sống Phật giáo hôm nay. Sự hội nhập và phát triển bao giờ cũng tồn tại song song trên hai mặt của một vấn đề, cơ hội và thách thức, tích cực và tiêu cực, vận may luôn song hành cùng những rủi ro, nói theo quan điểm Phật giáo đó là thuận duyên và nghịch duyên.

## **Những thách thức và cơ hội**

*Nguy cơ và thách thức:* Bên cạnh sự phát triển thuận lợi, thì mạng xã hội đang bị một bộ phận nhỏ cố ý lạm dụng một cách tiêu cực nhằm khai thác mặt trái của các thông tin để câu view (câu lượt xem) thực hiện ý đồ riêng. Từ đó, đã dẫn đến việc mất an ninh trật tự chung, mất an toàn đối với thanh thiếu niên khi tham gia mạng xã hội, đồng thời cũng ảnh hưởng đến niềm tin và uy tín của Phật giáo. Kẻ xấu lợi dụng mạng xã hội cố ý bôi nhọ, xuyên tạc đời sống phạm hạnh của Tăng Ni, lợi dụng danh nghĩa Phật giáo và tu sĩ thực hiện ý đồ xuyên tạc và trục lợi.

## **Cơ hội – Thuận duyên**

*Văn phòng hành chính điện tử:* Thông qua việc ứng dụng những giá trị cốt lõi công nghệ số mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã mang đến. Hiện nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã xây dựng được 01 trung tâm điều hành điện tử của Trung ương Giáo Hội tại Văn phòng 1 chùa Quán Sứ (TP. Hà Nội) và 01 văn phòng hành chính điện tử tại Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội (khu vực phía Nam) tại Thiền viện Quảng Đức (TP. HCM) Sự hình thành văn phòng hành chính điện tử sẽ tạo nên sự đồng bộ, kịp thời chia sẻ thông tin với các cơ quan hữu quan. Thuận lợi trong công tác điều hành và quản lý hành chính của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các tiện ích về họp trực tuyến, họp không giấy, nhận dạng giọng nói, chuyển đổi giọng nói thành văn bản, số hóa văn bản hành chính, xử lý khủng hoảng truyền thông liên quan đến Phật giáo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để phân tích các dữ liệu và đề xuất các giải pháp để hỗ trợ lãnh đạo có nhiều lựa chọn trong công tác điều hành và ra quyết định mang tính hiệu quả cao. Sau khi văn phòng hành chính điện tử tại Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội đã đi vào hoạt động, hiện tiếp tục triển khai kế hoạch chuyển giao công nghệ cho Văn phòng BTS các tỉnh thành và triển khai kế hoạch (giai đoạn 1) lắp đặt phòng họp trực tuyến tại Văn phòng BTS Phật giáo của một số tỉnh thành tiêu biểu trong cả nước, nhằm kết nối với Trung tâm điều hành điện tử tại Văn phòng 1 Chùa Quán Sứ (TP. Hà Nội) và văn phòng hành chính điện tử tại Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội (TP. HCM), tạo sự thông suốt trong việc chia sẻ thông tin,

dữ liệu từ Trung ương Giáo hội đến các tỉnh thành hội Phật giáo và ngược lại.

*Số hóa văn bản hành chính – Hệ thống kết nối điện tử từ Trung ương đến các cơ sở thờ tự:* Hiện nay, các văn bản của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam khi ban hành đều được số hóa thành văn bản điện tử đăng tải trên cổng thông tin Phật sự Online, vbgh.com. Thiết lập kết nối hệ thống Thư ký – Văn phòng của 63 tỉnh thành hội Phật giáo thông qua Zalo, Butta để kịp thời truyền đạt thông tin, công văn hành chính của Giáo hội và sự chỉ đạo của Trung ương Giáo hội đến các cấp Giáo hội và cơ sở tự viện trong cả nước.

*Quản lý Tăng Ni bằng thẻ kỹ thuật số (thẻ thông minh):* Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đưa vào nghị quyết Số: 228 /NQ-HĐTS ngày 10/7/2020 Khởi động thực hiện việc chuyển đổi giấy Chứng nhận Tăng Ni sang thẻ chứng nhận Tăng Ni kỹ thuật số và hướng đến số hóa quản lý Tăng tịch, dữ liệu thông tin hoạt động tôn giáo.

*Truyền thông số:* Hiện Giáo hội Phật giáo Việt Nam có mạng xã hội Butta, Truyền hình An Viên, kênh truyền hình trực tuyến Phật Sự Online TV phát trên các nền tảng của mạng xã hội, có cổng thông tin Phật Sự Online, Hoàng Pháp Online, Giác Ngộ Online, Phatgiai.org và hàng ngàn tài khoản Facebook, Youtube của Giáo hội các cấp và cá nhân Tăng Ni có từ hàng chục ngàn đến hàng trăm ngàn lượt theo dõi...

### **3.5.1. Giải pháp nào khả thi để phát huy vai trò tăng ni trong xây dựng giáo hội trang nghiêm và khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh**

Công tác tuyên truyền – tập huấn ứng dụng công nghệ số – đẩy lùi các thông tin mang tính xuyên tạc với ý đồ làm tổn hại uy tín của Phật giáo và Giáo hội.

– Tổ chức Tọa đàm, Hội thảo chuyên đề đặc biệt là tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu mang tính đào tạo nhân sự mang tầm chiến lược lâu dài chuyên về công tác “Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác Quản trị và Hoàng pháp”, tổ chức nhiều khóa tập huấn nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn để tất cả Tăng Ni có đủ kỹ năng sử dụng công nghệ số. Đặc biệt, truyền thông số – Mạng xã hội để từ đó đủ bản lĩnh ứng xử và tiếp nhận thông tin có chọn lọc, hạn chế đăng tải hình ảnh và nội dung một cách tùy tiện thiếu chuẩn mực làm ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín của Tăng đoàn và Giáo hội, cần phát huy tính tích cực để mỗi Tăng Ni, tín đồ Phật tử đều là một Hoàng pháp viên trên cộng đồng mạng, giúp tuyên truyền những giá trị tư tưởng đạo đức tốt đẹp của Phật giáo đến rộng khắp tha nhân với tinh thần sử dụng mạng xã hội có chánh niệm,

hướng đến tịnh hóa công dân mạng góp phần tạo nên không gian mạng an toàn. Ứng dụng công nghệ số nhằm đạt hiệu quả tác nghiệp nhanh, chính xác đúng sự thật và có năng lực sử dụng các ứng dụng liên quan đến mạng xã hội, Website để kịp thời chuyển tải nội dung của xã hội đến cộng đồng mạng, định hướng dư luận và công tác phản biện. *“Một trong những việc làm này là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để tránh được sự phá hoại bằng cách kích động, gây chia rẽ giữa Nhà nước và Phật giáo... Chúng ta cũng phải bác bỏ những luận điệu của các thế lực xấu, tránh việc bị bôi nhọ, làm xấu hình ảnh của chư Tăng, Ni nói riêng và của Tăng đoàn nói chung. Làm được như thế, chúng ta sẽ giữ vững được lòng tin của mọi người với Tam Bảo”*

– Xây dựng phim trường ảo để thu hình, sản xuất tiền kỳ và hậu kỳ, làm bản tin, điểm tin hoạt động Phật sự, làm ký sự, phóng sự, phim tài liệu... kịp thời chuyển tải hoạt động Phật sự của Giáo hội đến Xã hội và cộng đồng mạng nhanh nhất nhằm nêu cao giá trị Từ bi – Trí tuệ của Đạo Phật, hình ảnh tốt đẹp của Tăng, Ni, Phật tử, của Tổ chức Giáo hội các cấp trong sự nghiệp phụng đạo yêu nước. Đồng thời, cũng là phương tiện truyền thông kịp thời chuyển tải phát ngôn chính thức của Giáo hội bằng video kỹ thuật số, truyền tải phát trực tiếp trên các trang mạng xã hội để xử lý các vấn đề khủng hoảng truyền thông liên quan đến Phật giáo, định hướng dư luận và phản biện xã hội.

– Kịp thời cập nhật, đăng tải các hoạt động Phật sự và thuyết giảng theo các từ khoá định hướng tại các công cụ tìm kiếm nhằm kịp thời đẩy lùi những thông tin xuyên tạc, có ý đồ làm tổn hại uy tín Tăng đoàn và Giáo hội theo phương châm “ẩn ác dương thiện, trồng hoa thơm lấn dần cỏ dại, ánh sáng đến đâu, bóng đêm bị đẩy lùi đến đó”.

– Thường xuyên tuyên truyền đến Tăng, Ni, và Phật tử nên giữ gìn oai nghi người con Phật thận trọng khi sử dụng mạng xã hội khi đăng tải hình ảnh, không nên tùy tiện đăng tải hình ảnh mang tính giải trí, tự sướng (selfie), vui đùa thiếu oai nghi, đạo hạnh. Các hình ảnh này rất dễ bị kẻ xấu khai thác, lấy làm cơ sở để xuyên tạc đời sống phạm hạnh của Tăng đoàn và làm phương hại đến uy tín của Giáo hội.

### **3.5.2. Xây dựng, đào tạo mỗi Phật tử trở thành một hoàng pháp viên sử dụng điện thoại thông minh phát triển truyền thông Phật giáo như một kênh hoàng pháp**

– Xây dựng ứng dụng xem hoạt động Phật sự, xem, nghe thuyết giảng trên thiết bị điện thoại di động thông minh và thiết bị nghe nhìn khác. Ban Thông tin – Truyền thông Trung ương kết hợp với Ban Hoàng pháp và Ban Hướng dẫn Phật tử triển khai đến chư vị giảng sư có ý thức tuyên

truyền, vận động tích cực lòng ghép tại các buổi thuyết giảng. Từ đó, tín đồ Phật tử có ý thức sử dụng các ứng dụng xem và nghe các chương trình về hoạt động Phật sự, thuyết giảng trên các thiết bị nghe nhìn hiện đại và điện thoại thông minh, có ý thức thường xuyên cập nhật chia sẻ về trang fanpage – Facebook cá nhân để giới thiệu với bạn bè và cộng đồng mạng.

Trong thời đại mà truyền thông chiếm ngự hầu hết các hoạt động trong đời sống xã hội, mỗi Tăng Ni, Phật tử chúng ta cần ý thức rõ và sử dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông để hỗ trợ cho công cuộc Hoàng pháp lợi sanh, góp phần xây dựng và phát triển bản thân theo chiều hướng tích cực, chủ động nhất để cùng nhau chung tay hoằng truyền chánh pháp. Hiện nay, có rất nhiều vấn nạn trong xã hội: tham nhũng, tư duy tiêu cực, lợi ích nhóm, vô trách nhiệm, vô cảm, bạo hành, tai nạn giao thông, bạo lực học đường, xâm hại tình dục trẻ em,... Xã hội đang rất cần sự chia sẻ, lành mạnh, bình an, những nét đẹp như: Từ – Bi – Hỷ – Xả và tâm lành hướng thiện của người con Phật cần được lan tỏa sâu rộng. Không ai khác ngoài chúng ta – những Sứ giả Như Lai, những tình nguyện viên, Hoàng pháp viên Tăng Ni, Tín đồ Phật tử đều có thể giải quyết được những vấn đề này. Đó không chỉ là trách nhiệm mà còn là lương tri, là sứ mệnh thiêng liêng của các Sứ giả Như Lai khi cái ác, cái xấu vẫn còn len lỏi hàng ngày như cỏ dại sau mưa.

### ***3.5.3. Tỉnh thức và không ngừng học hỏi, sẵn sàng tiếp nhận đón đầu thời cơ và vận hội mới. Ươm mầm nhân tố trẻ ngay lúc đầu. Bắt đầu từ hôm nay!***

Phật giáo phát triển và sẵn sàng hòa chung vào dòng chảy của nền Tri thức khoa học trong thời đại phát triển Cách mạng công nghiệp 4.0. Công tác Thông tin Truyền thông và Hoằng pháp được cập nhật công nghệ số hóa sẽ mở ra cánh cửa rộng, khai phá tầm nhìn chiến lược nhằm phát huy “Vai trò tích cực của chư Tăng Ni trong sứ mệnh cao cả của người Hành giả nhập thế có lý tưởng sống “Tốt Đạo – Đẹp Đời” góp phần xây dựng Giáo hội trang nghiêm và khối Đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh.

Bắt đầu từ con người, con người là vốn quý của xã hội. “Thế hệ trẻ là những nhân tố tiềm năng” trong tương lai gần. Phải định hướng giáo dục cho lớp trẻ với giải pháp như thế nào là khả thi nhất? Khơi gợi cho con trẻ niềm vui và ý tưởng tìm tòi, hiếu học ngay từ trong gia đình, nhà trường, xã hội và ngôi nhà chung là các ngôi tự viện với Thầy Cô là quý Tăng Ni hiền hòa, bao dung và năng động hòa nhập cùng đại chúng, ươm mầm yêu thương cho trái tim Từ Bi trẻ thơ luôn phát triển thiện lành. Một



khi các bạn trẻ có điểm tựa tình thương và lòng tin, trái tim biết thao thức trăn trở với cuộc đời thực, các em sẽ yêu thích, ngưỡng mộ trước cái hay cái đẹp của chư Tôn đức Tăng Ni về hạnh nguyện vị tha, khả kính và Từ Bi. Từ đó, các em sẽ ngưỡng mộ và bắt đầu hành trình tìm hiểu, khám phá, học hỏi và sử dụng thành thạo công nghệ số, internet. Từ đây, sứ mệnh “Trồng cây, Trồng Người”, ươm mầm xanh thiện lành của cha mẹ, thầy cô và chư Tăng Ni sẽ nảy nở, góp phần không nhỏ vào sự chuyển mình, đổi mới cho công tác Hoằng pháp trong thế giới phẳng hôm nay. Thời gian gần đây, các hoạt động đội nhóm trẻ trong Phật giáo như sinh hoạt Gia đình Phật tử, các Khóa tu mùa hè, Hội trại truyền thống, các khóa học và tập huấn về giá trị sống theo tư tưởng đạo đức Phật giáo như hành thiền chuyên biệt cho sinh viên, giới trí thức, người lao động trẻ, đặc biệt là các chương trình hiến máu nhân đạo, cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, các chuyến đi thiện nguyện và hoạt động an sinh xã hội đã và đang có giá trị tích cực, hiệu quả tốt, hiệu ứng nhanh và lan tỏa mạnh trong cộng đồng, góp phần chung tay xây dựng niềm tin về một lối sống đẹp biết chia sẻ và cho đi, biết sống và nghĩ cho mọi người trên tinh thần Từ Bi của người con Phật.

Có thể khẳng định: “Niềm tin và sự tự tin nội lực sẽ khơi dậy tinh thần dân tộc, góp phần tạo ra sức mạnh và sức bật tinh thần để Phật giáo vững vàng vượt qua mọi thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”. Cùng với nhiệm vụ then chốt lúc này không gì khác hơn chính là “Phát huy tích cực vai trò của chư Tăng Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong việc xây dựng khối Đại Đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh” trong “Thời điểm vàng” của “Kỷ nguyên Công nghệ số”.

Qua đó, có thể nói việc ứng dụng Công nghệ số vào công tác truyền thông là yêu cầu cấp bách để Phật giáo hòa nhập trong thời kỳ phát triển thần tốc của cuộc cách mạng 4.0. Công nghệ số đã lan tỏa đưa lời kinh ý Phật vươn xa. Thông qua các phương tiện truyền thông rộng khắp mà giáo lý và văn hóa Phật giáo được lan truyền một cách nhanh chóng đến với Phật tử và mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội đặc biệt là những ai có tâm thiện lành yêu mến Đạo Phật, Phật giáo thông qua các phương thức ứng dụng công nghệ số để nhanh chóng tiếp cận với cuộc sống đời thường, tích cực đóng góp cho các Chương trình An sinh xã hội phục vụ cộng đồng với hiệu ứng lan tỏa rộng khắp. Đồng thời tiếp nhận các đường lối, chính sách, quan điểm mới kể cả những luồng dư luận thông tin thuận chiều hay trái chiều từ xã hội để có thể khẳng định quan điểm và chánh kiến của mình, từ đó có thể chủ động định hướng dư luận hay phản biện trước những tin tức chưa chính xác, thiếu thiện chí, điều mà trước đây chúng ta khó có thể làm được.

Bên cạnh đó, là công tác giáo dục được đặc biệt chú trọng trên hết. Với cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Hòa thượng Thích Bảo Nghiêm đã có bài phát biểu định hướng giáo dục tại Hội nghị Tăng sự Phật giáo Toàn quốc năm 2020: “Mạng xã hội với những thách thức trong công tác quản lý, giáo dục Tăng Ni trẻ và công tác Hoằng pháp hiện nay”. Bài viết được chọn đăng trên chuyên trang Tạp chí Văn Hoá Phật Giáo số 351: “Tăng cường giáo dục giúp Tăng Ni trẻ có nền tảng đạo đức, làm chủ bản thân, sử dụng mạng xã hội (MXH) theo tinh thần chánh niệm, góp phần quan trọng trong công tác hoằng pháp lợi sinh của thời đại công nghiệp 4.0 và tạo nên không gian mạng an toàn. Đây có lẽ là giải pháp khả thi nhất, tuy nhiên đòi hỏi phải có sự kiên trì bền bỉ trong thực hiện, tránh tình trạng “đánh trống bỏ dùi”, làm chiếu lệ, làm cho có hình thức. Nếu giải pháp này được thực hiện đầy đủ sẽ mang lại kết quả lâu dài, bền vững hơn là cấm đoán hoặc hạn chế sử dụng MXH. Thực tế cho thấy có nhiều vị giáo phẩm đạo cao đức trọng hiện vẫn thường xuyên sử dụng MXH nhưng các vị ấy đâu có bị những tiêu cực của MXH tác động, ngược lại còn phát huy tính tích cực trong công tác Quản lý – Hoằng pháp một cách hiệu quả và đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực về nội dung hoằng pháp trong thời đại mới. Tuy nhiên, MXH giống như con dao hai lưỡi, tùy người sử dụng mà đem lại lợi ích hay tác hại. Cũng vậy, từ đó hiểu được hai mặt lợi và hại của MXH, nếu Tăng Ni trẻ làm chủ được bản thân, có nền tảng đạo đức vững vàng do tiếp thu từ nền giáo dục của thầy tổ, các trường Phật học nên việc sử dụng MXH sẽ đem lại lợi ích thiết thực.

#### ***3.5.4. Khẳng định vai trò của Phật giáo Việt Nam trong cách mạng công nghiệp 4.0, thứ trưởng bộ thông tin và truyền thông phan tâm đánh giá***

Với vai trò là một tôn giáo lớn của đất nước, những giá trị tốt đẹp của Phật giáo còn góp phần xây dựng niềm tin và sự tự tin của con người, dân tộc Việt Nam trong việc xây dựng một đất nước hùng cường. Niềm tin và sự tự tin sẽ khơi dậy tinh thần của dân tộc, góp phần tạo ra sức mạnh vượt qua thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Mặt khác khi đất nước thịnh vượng thì tôn giáo cũng sẽ có điều kiện phát triển. Những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ góp phần hỗ trợ Phật giáo trong hoạt động tổ chức, quản lý và hoằng pháp, góp phần đưa Phật giáo tới gần hơn nữa sinh hoạt, đời sống người dân”

“Lịch sử 2000 năm Phật giáo Việt Nam đã minh chứng về một nền Phật giáo nhập thế. Trong giai đoạn lịch sử Việt Nam giành được nền độc lập tự chủ vào đầu Thế kỷ thứ X, trải qua các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Phật giáo đã trở thành nền tảng tư tưởng chủ đạo trong đời sống chính

trị, kinh tế, xã hội, là bộ phận chủ yếu góp phần tạo nên bản lĩnh, bản sắc văn hoá tinh thần của dân tộc Việt Nam”.

Trong xu thế vận hành đổi mới và hội nhập toàn cầu hiện nay, Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển, góp phần vào sự phát triển chung của Phật giáo thế giới. Phật giáo Việt Nam không ngừng hòa nhập, từng bước hoàn thiện khẳng định mình để nâng tầm phát triển, xứng đáng với vị thế là Tôn giáo lớn của cả nước. Làn sóng truyền thông của Phật giáo với sứ mệnh cao cả “Hoằng Pháp lợi sanh” không chỉ đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng của đồng bào Phật giáo, cho đến các vị nhân sĩ trí thức mà cộng đồng lương giáo cũng luôn dành một sự quan tâm thiện ý đặc biệt cho Đạo Phật. Làm sao để đón đầu cơ hội và bước qua thách thức. Từ đó, góp phần phát huy tích cực vai trò của chư Tăng Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong công cuộc xây dựng khối Đại Đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh trong “Thời điểm vàng” của Kỷ nguyên công nghệ số. “Điều quan trọng nhất của người làm truyền thông Phật giáo, người Phật tử khi sử dụng mạng xã hội là luôn phải Tỉnh Thức!”.

Đặc biệt, chư Tăng, Ni cần tăng cường khai thác sức mạnh của mạng xã hội hướng tới giới trẻ, giúp họ hiểu hơn về Đạo Phật, từ đó, thu hút giới trẻ đến với Phật giáo chính thống, hướng tới sự tự giác rèn luyện tinh tấn tu tập nhằm xây dựng một đời sống lành mạnh, tích cực, năng động, thiện lành trong lớp trẻ hôm nay. Thời đại công dân mạng, truyền thông số, ai ai cũng có thể làm truyền thông. Nhưng để truyền thông có hiệu quả, cần sự chung tay góp sức của cả cộng đồng và hơn ai hết cần một sự liên kết thực sự hiệu quả, có tổ chức bài bản, chuyên nghiệp mới là điều mà cộng đồng Phật tử mong chờ. Bằng cách nào để những giá trị tốt đẹp, tinh hoa văn hóa của Phật giáo sẽ góp phần xây dựng, củng cố niềm tin và sự tự tin cho con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong công cuộc bảo vệ và xây dựng một đất nước Việt Nam hòa bình, văn minh, thân thiện, phát triển, đổi mới và hội nhập. Những giá trị Nhân văn và giá trị Văn hóa của Phật giáo đã có ảnh hưởng tích cực đến quan niệm, tư tưởng, đạo đức, lối sống của nhân dân ta từ hàng nghìn năm nay. Lịch sử Việt Nam ghi nhận thời nào Phật giáo cũng có những đóng góp xứng đáng cho việc bảo vệ và xây dựng đất nước, luôn đồng hành gắn bó cùng dân tộc với sứ mệnh thiêng liêng là “Hộ Quốc An Dân”.

Chúng ta muốn phát triển vươn tới những tầm cao mới vẫn phải giữ cái gốc là đạo đức xã hội, triết lý nhân văn, hướng thiện, nền tảng văn hoá và tinh thần dân tộc. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang đưa chúng ta đi rất xa, nhưng hành trình này chỉ có ý nghĩa khi đích đến là một xã hội ổn định, một thế giới hoà bình, người dân hạnh phúc. Vì vậy, các giá trị thật của Phật giáo được bảo vệ và phát triển sẽ tiếp tục phát huy hữu ích để chúng ta vững vàng tiến bước trên hành trình này” (13). Bước khởi

đầu, để có thể phát huy hiệu quả vai trò tích cực của Tăng Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong việc xây dựng khối Đại Đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh thì chính niềm tin và sự tự tin nội lực sẽ khơi dậy tinh thần dân tộc, góp phần tạo ra sức mạnh và sức bật tinh thần để Phật giáo vững vàng vượt qua mọi thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong sự nghiệp Hoàng pháp lợi sanh của thời đại kỷ nguyên số

### **3.6. Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay**

Từ khi du nhập vào Việt Nam, ở mỗi chặng đường phát triển của dân tộc, Phật giáo đã không ngừng có những đóng góp tích cực.

Trong thời kỳ Bắc thuộc, Phật giáo luôn vận động tín đồ, Phật tử đoàn kết phò vua giúp nước, đánh đuổi ngoại xâm, giành độc lập dân tộc. Đặc biệt, đến thời kỳ Lý, Trần, Phật giáo phát triển cực thịnh, đã trở thành quốc giáo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp trị nước, an dân. Các vị vua tài đức đã xây dựng được những triều đại vững mạnh lấy đức từ bi làm căn bản cho chính trị nên đã có được sự ủng hộ to lớn từ nhân dân, vua – tôi đồng lòng, cả nước chung sức bảo vệ và xây dựng giang sơn.

Từ khi đất nước Việt Nam hoàn toàn thống nhất (năm 1975), Phật giáo càng có điều kiện thuận lợi phát triển. Sự kiện quan trọng nhất là vào tháng 11 năm 1981, tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời, đã đáp ứng tình cảm, nguyện vọng của đông đảo tăng ni, Phật tử cả nước, đồng thời tạo điều kiện cho sự tiếp tục phát triển truyền thống gắn bó chặt chẽ giữa Phật giáo với cộng đồng dân tộc.

#### **3.6.1. Ảnh hưởng tích cực của Phật giáo đến Đạo đức.**

Có thể nói, ảnh hưởng lớn nhất của Phật giáo tới đời sống xã hội Việt Nam là ở lĩnh vực đạo đức.

Phật giáo đưa ra những chuẩn mực đạo đức rất cụ thể để con người rèn luyện. Những chuẩn mực đạo đức phổ biến nhất là 5 giới: “không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu” và 10 điều thiện: “3 điều thuộc về thân: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm; 3 điều thuộc về ý thức: không tham lam, không thù hận, không si mê; 4 điều thuộc về nói năng: không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai chiều, không nói điều ác”. Những chuẩn mực đạo đức này, cũng chính là những nguyên tắc ứng xử phù hợp giữa người với người, nhằm xây dựng đạo đức xã hội tốt đẹp.

Đạo đức Phật giáo hướng con người đến những giá trị nhân bản cao cả, góp phần tích cực vào việc hoàn thiện đạo đức cá nhân. Tinh thần từ bi, bác ái trong Phật giáo không chỉ hướng đến con người mà còn đến muôn vật, cỏ cây. Phật giáo kêu gọi lòng nhân đạo, yêu thương, bảo vệ sự sống. Đặc biệt trong quan hệ giữa người với người, tình yêu thương phải biến thành hành động xoa dịu nỗi đau, cứu giúp con người, gìn giữ hòa bình.

Như vậy, đạo đức Phật giáo có nhiều điểm tương đồng với đạo đức người Việt. Những phạm trù cơ bản của đạo đức Phật giáo đã ảnh hưởng sâu đậm vào đời sống người Việt hiện nay. Do tuân thủ những điều răn dạy về đạo đức của Phật giáo, người Việt đã sống và ứng xử đúng đạo lý, góp phần làm cho xã hội tốt đẹp hơn.

Hiện nay, sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã đem lại đời sống vật chất tốt hơn cho mọi người, tuy nhiên, mặt trái của kinh tế thị trường là lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền... dẫn tới sự xuống cấp về đạo đức, lối sống gây bức xúc trong xã hội, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp.

Những giá trị tích cực của Phật giáo càng được nhân lên với những hoạt động cụ thể, thiết thực:

- Phật giáo tổ chức “Lễ cầu nguyện hòa bình cho biển Đông”. Lãnh đạo Giáo hội và giáo đoàn 180 tăng ni, Phật tử đã trực tiếp ra các đảo Trường Sa cầu nguyện hòa bình và động viên quân, dân trên các đảo tiền tiêu. Thực hiện “Đại lễ Cầu siêu” cho các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc.
- Phật giáo rất quan tâm tới việc xây dựng gia đình văn hóa, kiểu mẫu. Hiện nay, tại một số ngôi chùa tổ chức lễ cưới. Đây là một nghi thức cưới đặc biệt được tổ chức trong không gian tâm linh tín ngưỡng Phật giáo nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc. Lễ cưới ở chùa là cây cầu nối giữa đạo và đời, là sự hòa quyện nhuần nhuyễn giữa đạo đức dân tộc với đạo đức Phật giáo.
- Với mục đích đưa Phật giáo đến gần gũi hơn với thế hệ trẻ, nuôi dưỡng tâm từ bi yêu thương, gieo trồng hạt giống thiện lành, nhân ái, chăm học, chăm lao động, hiếu nghĩa, trau dồi nhân cách đạo đức, ngăn cản hành vi bạo lực, nhiều chùa trên cả nước đã mở khóa tu mùa hè nhằm hướng các em học sinh tới đời sống “Chân – Thiện – Mỹ”. Điển hình như Chùa Ba Vàng (Uông Bí – Quảng Ninh), chỉ trong 6 tháng năm 2018 đã mở hai khóa tu tập mùa hè hoàn toàn miễn phí cho 3.000 em.
- Đặc biệt, công tác từ thiện xã hội là hoạt động Phật sự đạo đức mang tính tích cực và trong sáng, thể hiện tinh thần từ bi của Phật giáo

và truyền thống tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam. Theo “Báo cáo tổng kết hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VII (2012 – 2017)”.

- Đạo đức Phật giáo cùng những hoạt động cụ thể đã và đang đóng góp tích cực trong việc xây dựng con người mới Việt Nam, xã hội chủ nghĩa, trong việc xây dựng nền đạo đức mới tốt đẹp, thực hiện đúng phương châm “Tốt đời, đẹp đạo”.

### **3.6.2. Ảnh hưởng tích cực của Phật giáo đến Văn hóa.**

Một trong những đóng góp quan trọng của văn hóa Phật giáo là chùa, bởi rất gần gũi, gắn bó với người dân. Chùa đã hòa nhập vào làng mà biến thành chùa làng. Chùa làng có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần và góp phần tích cực hình thành tư tưởng, đạo đức, nhân cách cho người dân. Chùa cũng tạo thành phong cách kiến trúc độc đáo và thân thuộc, mang đậm dấu ấn văn hóa bản địa từng vùng, miền. Những chùa, quần thể Phật giáo lớn đồng thời cũng là những công trình kiến trúc văn hóa tiêu biểu như Bái Đính, Trúc lâm Đà Lạt, Trúc lâm Yên Tử, Thiền viện Trúc lâm, chùa Ba Vàng, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Dâu, chùa Thiên Mụ, tháp Phổ Minh.

Nhưng điều đặc biệt là lễ hội dân gian và văn hóa tín ngưỡng của người Việt luôn gắn liền với lễ hội văn hóa – tín ngưỡng Phật giáo. Vì vậy nếu tách rời lễ hội dân gian với lễ hội văn hóa Phật giáo thì sẽ làm nghèo đi bản sắc văn hóa hòa đồng của người Việt và việc bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống ở Việt Nam sẽ khó mà thực hiện được.

Những năm gần đây, Ban Văn hóa của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã phối hợp với Ban Văn hóa các tỉnh, thành phố tổ chức các lễ hội văn hóa Phật giáo gắn với văn hóa dân gian rất thành công như: lễ hội chùa Bái Đính (Ninh Bình); Hội Xuân Ngọa Vân (Đông Triều – Quảng Ninh), Hội chùa Hương (Hà Tây – Hà Nội); Hội Hoa Mẫu đơn Phật Tích (Bắc Ninh); lễ hội Hoa Ban (Điện Biên) với hoạt động cầu siêu các anh hùng liệt sĩ, cầu nguyện quốc thái dân an, rước kiệu từ nghĩa trang Độc lập về chùa Linh Quang; lễ hội Mùa xuân Côn Sơn – Kiếp Bạc (Hải Dương) gắn liền với anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi; lễ hội chùa Thầy, chùa Tây Phương, chùa Trầm Gian, chùa Đậu (Hà Nội); lễ hội Quan âm ở Thừa Thiên – Huế, Đà Nẵng, Bạc Liêu, Bình Dương.

Các lễ hội văn hóa Khmer của đồng bào dân tộc vùng đồng bằng sông Cửu Long như: lễ hội Chôl Chnăm Thmây, Dolta, Óck Ombok... Tại các chùa Phật giáo Khmer đều tổ chức biểu diễn 3 loại hình văn hóa Phật giáo dân tộc như Đua Ghe ngo, Trống Sa Dăm và nhạc Ngũ âm...

Những lễ hội này không chỉ có sự tham gia của đông đảo Phật tử mà còn có sự tham gia vô cùng đông đảo của nhân dân, đáp ứng không chỉ nhu cầu về tâm linh, về tinh thần mà còn là nét đẹp trong văn hóa truyền thống dân tộc, thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn, biết ơn những bậc tiền nhân, tiên tổ lập quốc, ghi nhớ công lao các anh hùng, liệt sĩ trong quá trình bảo vệ và dựng xây đất nước. Lễ hội văn hóa Phật giáo cũng đem lại cho con người giá trị trải nghiệm và giải thoát trong tâm hồn, cân bằng và củng cố đức tin, hướng tới giá trị chân – thiện – mỹ và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. Lễ hội còn là một bảo tàng văn hóa lưu giữ các giá trị văn hóa và các sinh hoạt văn hóa qua các thời kỳ lịch sử được tái hiện ở cuộc sống đương thời.

Từ góc độ này, Phật giáo đã rất tích cực tham gia vào việc khôi phục truyền thống văn hóa – tín ngưỡng dân gian của dân tộc theo xu hướng tìm về cội nguồn, bản sắc văn hóa dân tộc.

Như vậy, cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai, Phật giáo luôn tồn tại và gắn liền với cuộc sống người Việt Nam. Suốt hơn 2.000 năm qua, tư tưởng cốt lõi của Phật giáo là nhân văn cao cả, từ bi bác ái, vì cuộc sống an lạc cho mỗi cá nhân và cộng đồng. Những tư tưởng đó không hề xa lạ với truyền thống nhân văn quý báu của người Việt Nam, nó là một nhân tố tạo nên đời sống văn hóa, tư tưởng đoàn kết, tương thân, tương ái cùng mưu cầu hạnh phúc chung của người Việt Nam. Tư tưởng nhân văn Phật giáo xét theo bản chất không mang tính giai cấp mà mang tính nhân loại, đã góp phần trong quá trình hòa nhập văn hóa, tư tưởng dân tộc vào trong dòng chảy chung của tư tưởng, văn hóa nhân loại.

Vì thế, việc khai thác những hạt nhân tích cực, hợp lý của văn hóa Phật giáo nhằm xây dựng nhân cách con người Việt Nam là rất quan trọng. Sự hòa quyện văn hóa Phật giáo với văn hóa, truyền thống dân tộc đã và đang góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

### **3.6.3. Ảnh hưởng tích cực của Phật giáo đến Kinh tế.**

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, năng suất lao động tăng cao, đời sống vật chất của người dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, có một bộ phận người vì chạy theo lợi nhuận mà đã bất chấp thủ đoạn, làm giàu phi pháp, buôn bán chất cấm, chất gây nghiện. Họ tham lam vô độ, tàn phá môi sinh, môi trường, hủy diệt động, thực vật miễn là có lợi cho bản thân. Trong làm ăn, trong kinh doanh không lành mạnh, sẵn sàng tranh giành, hãm hại đối phương. Một bộ phận giới trẻ thì lười biếng, luôn ỷ lại vào bố mẹ, không lao động, chỉ quen hưởng thụ, để có tiền tiêu xài, họ đã ăn

cấp, lừa đảo... Điều đó không chỉ vi phạm pháp luật, mà còn trái với đạo lý của dân tộc Việt Nam, trái với giáo lý Phật giáo.

Phật giáo luôn nêu cao, hướng con người tới “Thiện”, thiện từ trong tâm, thiện trong lời nói, thiện trong hành động. Phật giáo còn dạy mỗi người phải kiếm sống một cách lương thiện, đúng đắn, không làm tổn hại đến bản thân, tổn hại cho người khác và tới muôn loài. Phương tiện mưu sinh không được gian xảo, bất chính. Kinh doanh phải lành mạnh, cùng nhau phát triển, tránh giả dối, lọc lừa. Phật giáo nêu cao tinh thần yêu lao động, mỗi người phải tự làm ra của cải bằng sức lực và trí tuệ của mình.

Xuyên suốt trong tư tưởng kinh tế của Phật giáo là việc xây dựng phát triển kinh tế lành mạnh, bền vững, gắn chặt phát triển kinh tế với bảo vệ môi sinh, môi trường.

Nhưng đóng góp lớn nhất của Phật giáo trong lĩnh vực kinh tế là Du lịch văn hóa tâm linh Phật giáo.

Khi đời sống vật chất ngày càng được nâng cao, xã hội ngày càng hiện đại thì con người lại càng có nhu cầu nâng cao hơn nữa đời sống tinh thần. Đây là nhu cầu tất yếu, nhất là ở một quốc gia như Việt Nam, khi Phật giáo đã hòa quyện và phát triển cùng với văn hóa dân tộc. Du lịch tâm linh đến các Phật tích giúp con người tháo gỡ được khổ đau, oán hận, vun đắp yêu thương. Có thể nói du lịch tâm linh là thế mạnh trong phát triển du lịch ở Việt Nam. Theo thống kê ở Việt Nam hiện có gần 8.000 lễ hội truyền thống, trong đó có rất nhiều lễ hội lớn mang tầm quốc gia. Cả nước có khoảng 40.000 khu di tích, Tự viện là 18.466 ngôi, trong đó có 465 ngôi chùa được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, 544 lễ hội tôn giáo. Rất nhiều lễ hội văn hóa tâm linh hàng năm diễn ra ở các danh thắng Phật tích nổi tiếng như lễ hội chùa Hương, chùa Thầy (Hà Nội), Yên Tử (Quảng Ninh), Tây Thiên (Vĩnh Phúc), Bái Đính (Ninh Bình), Lễ hội Phật bà Quan Âm (Huế - Đà Nẵng)...

Du lịch văn hóa tâm linh Phật giáo hiện nay ngày một phát triển bởi các Phật tích thường là nơi danh lam thắng cảnh, non nước hữu tình. Khách du lịch không chỉ đến để chiêm bái, cầu nguyện, tham gia lễ hội mà còn tham quan, tìm hiểu văn hóa lịch sử, qua đó mang lại những cảm nhận và giá trị trải nghiệm củng cố niềm tin.

Du lịch tâm linh Phật giáo đã đóng góp lớn và bền vững vào sự tăng trưởng kinh tế. Theo tính toán của ngành du lịch, nếu du lịch hưởng thụ tạo nguồn thu cho 3 người, thì du lịch tâm linh Phật giáo tạo nguồn thu cho 5 người.



Du lịch tâm linh Phật giáo đã đem lại lợi ích kinh tế cho người dân, cho cộng đồng địa phương. Sự hiện diện của du khách ở những khu vực kém phát triển được xem như một tác nhân thúc đẩy đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ và cơ sở hạ tầng, điện, nước, sinh hoạt, các điều kiện về chăm sóc sức khỏe, an ninh quốc phòng. Những thu nhập từ dịch vụ du lịch cũng có thể dùng để tái đầu tư, hỗ trợ các chi phí cho cộng đồng.

Du lịch tâm linh Phật giáo còn giúp chuyển dịch cơ cấu lao động, từ những vùng thuần nông, thu nhập rất thấp sang làm dịch vụ, tăng thu nhập cho người dân,

Chẳng hạn, ở Bái Đính (Ninh Bình) trước là vùng đất đường đi lại khó khăn, dân sống lam lũ, chỉ có một mùa cấy lúa nước, thu nhập bấp bênh, không có việc làm, nhưng từ khi có khu Phật tích Bái Đính, đời sống người dân thay đổi nhanh chóng do ngoài cấy lúa một vụ, họ còn làm dịch vụ, chỉ riêng một vụ đồ trong lễ hội, thu nhập bằng ba vụ lúa, hàng chục ngàn người có việc làm, thu nhập ổn định.

#### ***3.6.4. Ảnh hưởng tích cực của Phật giáo tới Môi sinh, môi trường.***

Phật giáo cho rằng sự sống là sự tương hỗ giữa các loài. Thiên nhiên chính là một bộ phận của cơ thể người. Con người không thể tồn tại được nếu không có thiên nhiên, vì thế, nếu thiên nhiên bị tàn phá, môi trường bị ô nhiễm, hủy hoại thì đời sống con người cũng bị hủy diệt.

Hiện tại, ở Việt Nam, vấn đề môi sinh, môi trường bị ô nhiễm, tàn phá đang ở mức báo động; các loài động, thực vật quý hiếm đang mất đi hàng ngày.

Chỉ tính riêng về rừng, theo Báo cáo của Bộ Tài nguyên – Môi trường năm 2015 “trong hơn năm thập kỷ qua, Việt Nam đã mất 67% diện tích rừng ngập mặn so với năm 1943... Theo tin từ Tổng cục Lâm nghiệp vào tháng 3 năm 2015, từ năm 1975 đến cuối năm 2013, Tây Nguyên mất khoảng 32,8% diện tích rừng tự nhiên, giảm từ 3,8 triệu ha xuống còn 2,5 triệu ha. Tốc độ mất rừng tự nhiên lên tới 33.600 ha một năm và tốc độ này ngày càng tăng.

Theo số liệu của Tổng cục Lâm nghiệp, trên cả nước năm 2015 số vụ phá rừng trái phép là 2.090 vụ, khai thác rừng trái phép là 1.810 vụ, diện tích rừng giảm 2.156,02 ha. Năm 2016, số vụ phá rừng trái phép là 2.132 vụ (tăng hơn năm 2015 là 42 vụ), khai thác rừng trái phép là 1.570 vụ, bị thiệt hại 4.519 ha rừng. Năm 2017, số vụ phá rừng trái phép là 2.167 vụ, khai thác rừng trái phép là 1.341 vụ, bị thiệt hại 1.451 ha rừng.

Quyết định số 1187/QĐ-BNN-TCLN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2017 cho thấy: “tổng diện tích rừng toàn quốc là 14.415.381 ha, trong đó rừng tự nhiên là 10.236.415 ha, rừng trồng là 4.178.966 ha. Diện tích rừng đủ tiêu chuẩn để tính độ che phủ là 13.717.981 ha, độ che phủ tương ứng là 41,45%”. Điều đáng báo động là rừng tự nhiên bị suy giảm mạnh do chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng, khai thác quá mức lâm sản.

Việc tàn phá rừng, khai thác cạn kiệt tự nhiên không chỉ làm mất cân bằng sinh thái, hủy hoại các loài động, thực vật mà còn dẫn tới những hậu quả khôn lường: đất đai bị xói mòn, khô cằn, cạn kiệt nguồn nước... Đó là nguyên nhân chính gây ra những trận lũ lụt, lở đất kinh hoàng, làm thiệt hại nghiêm trọng về người và của ở các tỉnh vùng núi phía Bắc Việt Nam vừa qua.

Sự bùng nổ các khu công nghiệp, sức ép về dân số, sự đô thị hóa nhanh chóng cũng gây ra biến đổi lớn về khí hậu, ô nhiễm môi trường, làm gia tăng bệnh tật ở con người, ảnh hưởng nghiêm trọng tới chất lượng cuộc sống.

Tác nhân gây nên những vấn đề môi trường hiện nay không ai khác, chính là con người.

Do đó, việc giải quyết vấn đề môi trường cũng phải bắt đầu từ chính con người.

Giáo lý Phật giáo luôn khuyên răn con người cần phải sống hài hòa với tự nhiên, tôn trọng tự nhiên, không được phá vỡ cân bằng sinh thái. Vì mọi loài sinh ra đều mang trong mình sự sống, nên cần được tôn trọng và bảo vệ. Con người không được sát sinh muôn loài một cách vô tội vạ, khai thác tài nguyên theo cách tận thu, tận diệt mà không để có thời gian tái tạo. Chân lý của sự sống, theo Phật giáo là mọi loài đều có quan hệ hữu cơ, gắn bó với nhau, sự sinh tồn của loài này là điều kiện tồn tại của loài kia và ngược lại. Con người không nên tham lam, tàn ác, không mù quáng trong hành động, đó cũng là cách hữu hiệu để bảo vệ môi trường, bảo vệ cuộc sống con người.

Phật giáo cũng luôn hướng con người tới lối sống sạch sẽ, cẩn thận, không xả rác bừa bãi, các chất thải cần được xử lý đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

Với tâm nguyện chung tay góp sức bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp đã đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục Phật tử và nhân dân nhận thức mối quan hệ mật thiết giữa con người với tự nhiên, cách ứng xử thân thiện, yêu thương, hài hòa

với môi trường, với muôn loài nhằm hướng tới một thế giới chung an lành, tốt đẹp.

Tại hội nghị toàn quốc về “Phát huy vai trò của các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu” được tổ chức tháng 12 năm 2015 ở Thừa Thiên – Huế, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có thông điệp kêu gọi “mỗi người bằng hành động thiết thực của mình, cam kết với chính mình hãy bảo vệ môi trường bền vững, hãy cùng nhau làm cho môi trường xung quanh chúng ta xanh hơn, sạch hơn và đẹp hơn”. Sau khi ký kết chương trình phối hợp, Giáo hội đã cử Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch Hội đồng trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia ban chỉ đạo chương trình phối hợp tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu cùng lãnh đạo Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường và lãnh đạo cấp cao của 14 tôn giáo.

Năm 2016, vào dịp Đại lễ Phật Đản, diễn văn Phật Đản Của Hòa thượng Thích Thiện Nhơn cũng đã kêu gọi các cấp Giáo hội và tăng ni, Phật tử bằng những kế hoạch và hành động cụ thể, tích cực tham gia thực hiện chương trình phối hợp đã ký kết, Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ, Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng đã ban hành thông điệp với nội dung trọng tâm là bảo vệ môi trường và ứng phó với sự biến đổi khí hậu.

Hiện nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam phối hợp cùng Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khảo sát và xây dựng các mô hình điểm quốc gia về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tại Trung tâm tham vấn hỗ trợ cộng đồng Pháp Bảo (Chùa Pháp Bảo, thành phố Hồ Chí Minh), Trung tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng Hải Đức (Chùa Hải Đức, thành phố Huế) và tại chùa Pháp Vân (quận Hoàng Mai – Hà Nội).

Phật giáo kêu gọi các Phật tử và nhân dân cần có ý thức bảo vệ môi trường như bảo vệ thân thể mình, thực hiện các chương trình, hành động hướng đến việc bảo vệ môi trường như: ngày chủ nhật xanh, ngày vì môi trường, phát động phong trào phục hồi và bảo vệ sông ngòi, biển cả, núi rừng và vạn vật.

Ngày 4/1/2017, tại Hà Nội, Tổng cục Thủy sản đã phối hợp với Ban thường trực Hội đồng trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Lễ ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giữa hai bên trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản, góp phần quan trọng trong việc khôi phục lại nguồn lợi thủy

sản, gia tăng mật độ quần thể của các loài thủy sản đã bị khai thác cạn kiệt, đặc biệt là phục hồi và tái tạo lại các loài thủy sản quý hiếm. Ngày 31/8/2017, Trung ương Giáo hội Phật giáo phối hợp với Tổng cục Thủy sản tổ chức Lễ thả 30 vạn tôm sú giống tại Cảng cá biển Thuận An (Thừa Thiên – Huế). Nhiều tổ chức, cá nhân cũng đã thả các loại tôm, cá giống xuống hồ, sông để tái tạo; thực hiện trồng cây gây rừng phủ xanh đồi trọc, chắn gió, chắn sóng, nhằm khôi phục và bảo vệ môi trường tự nhiên.

Phật giáo có ảnh hưởng rất tích cực tới mọi mặt của đời sống xã hội Việt Nam, từ đạo đức, văn hóa, kinh tế đến môi sinh, môi trường. Tiếp tục phát huy vai trò trong khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện phương châm hoạt động của Giáo hội: “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa Xã hội”, các thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng tăng ni, Phật tử tích cực hưởng ứng và tham gia các phong trào ích nước lợi dân, phúc lợi xã hội, làm từ thiện. Tư tưởng Phật giáo đã hòa quyện cùng dân tộc để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng nếp sống văn hóa mới. Phật giáo đóng góp tích cực trong việc xây dựng, phát triển kinh tế bền vững, chung tay bảo vệ môi sinh, môi trường, chống biến đổi khí hậu.

Với những đóng góp quan trọng đó, nhiều tăng ni, Phật tử đã được tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tham gia Hội Chữ thập đỏ, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Người cao tuổi, Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo...

Những cống hiến của Phật giáo đã chứng minh Phật giáo Việt Nam luôn đoàn kết chặt chẽ cùng dân tộc trong sự nghiệp xây dựng một đất nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, hội nhập và phát triển.

# KẾT LUẬN

Sau 2500 năm kể từ khi Phật giáo đến với dân tộc ta, trải qua nhiều thăng trầm cùng lịch sử dân tộc, nhiều biến đổi thịnh, suy. Từng chiếm lĩnh tư tưởng các triều đại Đinh, Lê. Sự thịnh vượng của đạo Phật đạt đến đỉnh cao ở thời đại Lý Trần. Tư tưởng của Phật giáo đã ảnh hưởng một cách sâu sắc đến đời sống tinh thần, lối sống, văn hoá, cũng như đạo đức của tộc Việt. Phật giáo đã biến đổi khi bước vào đất của người Việt để phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán. Vì thế mà Phật giáo Việt Nam có chất rất riêng.

Sau quá trình nghiên cứu về tư tưởng triết học của Phật giáo. Chúng ta đã hiểu được nguồn gốc và sự phát triển của Phật giáo. Cùng với đó là hiểu sâu sắc về tư tưởng của Phật giáo, phân biệt được các hệ tư tưởng Phật giáo hiện nay. Chúng ta còn thấy được sự ảnh hưởng của tư tưởng triết học Phật giáo đến xã hội. Theo đó là hiểu được sự hình thành nhân cách và tư duy của người Việt Nam.

Không một tôn giáo nào là hoàn hảo, không có sự tồn tại của một hệ tư tưởng hoàn hảo. Phật giáo không nằm ngoài quy luật ấy. Tuy thế, kể từ khi Phật giáo hình thành, cho đến nay, Chúng ta đã và đang thấy được giá trị to lớn mà Phật giáo đem lại cho nhân loại nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng. Đó là những giá trị đạo đức, những giá trị vô hình để hình thành nhân cách của con người. Đạo Phật giúp con người suy ngẫm về mình và về thế giới quan. Đạo Phật dạy cho con người tìm ra cách để giúp chính bản thân mình và giúp người, để mà không gây ra khổ đau, cho mình, và cho người. Đạo Phật giúp chúng ta sống thân ái, yêu thương nhau, giúp xã hội thanh bình.

Chúng ta đang sống ở thế kỷ 21, nếu chỉ hình thành nhân cách đạo đức là chưa đủ. Thế hệ trẻ của thế kỷ này cần đòi hỏi bản thân nhiều hơn thế. Không chỉ dừng lại tu bổ đạo đức. Thế hệ trẻ còn cần đủ khả năng, tài năng để mà chinh phục thế giới khách quan và thế giới nội tâm. Khoa học của thế kỷ này là một sự bùng nổ, sự phát triển mạnh mẽ ấy không làm đạo Phật trở nên ít quan trọng đi, mà hơn thế, tư tưởng Phật giáo có thể cùng với tri thức của khoa học kĩ thuật, vừa có thể tu dưỡng đạo đức, vừa có thể có đủ tri thức để đến với tiến bộ của nhân loại trong tương lai.

Tài liệu tham khảo:

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Phật\\_giáo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Phật_giáo)

[NHỮNG TƯ TƯỞNG CƠ BẢN CỦA PHẬT GIÁO – Duybiotech's Blog \(wordpress.com\)](#)

<https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/9587>

<https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/9376>

[https://khoahoc.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/khoahoc/2.%20HK%202%202018-](https://khoahoc.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/khoahoc/2.%20HK%202%202018-2019/File%20SHKHBM%20TTHCM%20b3_ky2_1819.pdf)

[2019/File%20SHKHBM%20TTHCM%20b3\\_ky2\\_1819.pdf](#)

<https://www.vass.gov.vn/tap-chi-vien-han-lam/hanh-vi-ton-giao-cua-thanh-nien-ha-noi-va-anh-huong-cua-no-trong-moi-quan-he-gia-dinh-hien-nay-29>